

**CÂU HỎI ÔN TẬP KIỂM TRA HỌC KÌ II NĂM HỌC 2024-2025**  
**MÔN CÔNG NGHỆ CHĂN NUÔI LỚP 11**

**Bài 13. VAI TRÒ CỦA VIỆC PHÒNG TRỊ, BỆNH TRONG CHĂN NUÔI**

**Phần I. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn**

**Câu 1.** Vật nuôi sốt cao 40 – 41<sup>0</sup>C, bỏ ăn, uống nhiều nước, mũi khô, mắt đỏ, phân táo. Đây là biểu hiện đặc trưng của bệnh

- A. dịch tả lợn cổ điển. B. đóng dấu lợn.  
C. giun đũa lợn. D. phân trắng lợn con.

**Câu 2.** Vật bị tiêu chảy, da nơi mỏng có nhiều nốt xuất huyết đỏ như muỗi đốt, tai và mõm tím tái. Đây là biểu hiện đặc trưng của bệnh

- A. dịch tả lợn cổ điển. B. đóng dấu lợn.  
C. giun đũa lợn. D. phân trắng lợn con.

**Câu 3.** Khi mổ khám thường thấy các cơ quan nội tạng như dạ dày, ruột, thận, bàng quang có xuất huyết lấm tấm như đinh ghim, niêm mạc đường tiêu hóa, nhất là ruột già có các nốt loét hình tròn đồng tâm màu vàng, nâu. Đây là biểu hiện đặc trưng của bệnh

- A. dịch tả lợn cổ điển. B. đóng dấu lợn.  
C. giun đũa lợn. D. phân trắng lợn con.

**Câu 4.** Nguyên nhân gây bệnh dịch tả lợn cổ điển là

- A. RKN virus, thuộc chi *Furovirus*, họ *RubiVirata*.  
B. RKN virus, thuộc chi *Tombusvirus*, họ *Camaviridae*.  
C. RNA virus, thuộc chi *Comovirus*, họ *Picornavirata*.  
D. RNA virus, thuộc chi *Pestivirus*, họ *Flaviviridae*.

**Câu 5.** Bệnh dịch tả lợn cổ điển xâm nhập vào vật nuôi theo hai con đường chính là

- A. tiêu hóa và hô hấp. B. Tiêu hóa và tiếp xúc.  
C. tiêu hóa và da. D. Tiêu hóa và thức ăn.

**Câu 6.** Nhận định **không** đúng về biện pháp xử lý bệnh dịch tả lợn cổ điển là

- A. dùng thuốc đặc trị bệnh dịch tả lợn cổ điển như E.coli và Salmonella, Ascaris stuum, Ascarididae.  
B. Báo cáo ngay cho cán bộ thú y để được hướng dẫn cách cách điều trị và phòng bệnh hiệu quả cho vật nuôi.  
C. Cách xử lý triệt để: không giết mổ hoặc di chuyển vật nuôi ra khỏi khu vực, cũng không di chuyển vật nuôi từ nơi khác về.  
D. Tiến hành các biện pháp chống dịch theo hướng dẫn của cán bộ thú y như: tiêu hủy, khử trùng

**Câu 7.** Biện pháp được tiến hành chống dịch bệnh tả lợn cổ điển theo hướng dẫn của bác sĩ thú y là

- A. nuôi dưỡng và chăm sóc đúng kỹ thuật, tiêm vaccine.
- B. vệ sinh chuồng nuôi và sân chơi, ủ phân đúng cách để diệt trứng.
- C. cho con vật uống nước chiết từ các loại quả có chất chát.
- D. tiêu hủy con vật chết và con vật bị bệnh, khử trùng khu nuôi và dụng cụ.

**Câu 7.** Biện pháp cách li triệt để là

- A. nuôi dưỡng và chăm sóc đúng kỹ thuật, tiêm vaccine.
- B. vệ sinh chuồng nuôi và sân chơi, ủ phân đúng cách để diệt trứng.
- C. cho con vật uống nước chiết từ các loại quả có chất chát.
- D. không giết mổ và di chuyển vật nuôi ra khỏi khu nuôi và ngược lại.

**Câu 8.** Vật nuôi sốt cao trên 40°C, bỏ ăn, sưng khớp gối, trên da có dấu hình vuông, tròn, màu đỏ sau đó tạo vảy bong tróc ra. Đây là biểu hiện đặc trưng của bệnh

- A. dịch tả lợn cổ điển.
- B. đóng dấu lợn.
- C. giun đũa lợn.
- D. phân trắng lợn con.

**Câu 9.** Khi mổ khám thường thấy xuất huyết toàn thân, các cơ quan nội tạng như dạ dày, ruột, gan, tim, phổi, gan, thận sưng, màu đỏ. Đây là biểu hiện đặc trưng của bệnh

- A. dịch tả lợn cổ điển.
- B. đóng dấu lợn.
- C. giun đũa lợn.
- D. phân trắng lợn con.

**Câu 10.** Viêm khớp và viêm màng trong tim. Đây là biểu hiện đặc trưng của bệnh

- A. dịch tả lợn cổ điển.
- B. đóng dấu lợn.
- C. giun đũa lợn.
- D. phân trắng lợn con.

**Câu 11.** Nhận định **không** đúng về bệnh đóng dấu lợn là

- A. vật nuôi sốt cao trên 40°C, bỏ ăn, sưng khớp gối.
- B. trên da có dấu hình vuông tròn, màu đỏ, sau đó tạo vảy bong tróc ra.
- C. khi mổ khám thường thấy máu tụ ở tim, cơ quan nội tạng như: dạ dày, ruột, tim, gan phổi, thận sưng và đen.
- D. thường thấy viêm khớp và viêm màng trong tim.

**Câu 12.** Nguyên nhân gây bệnh đóng dấu lợn là

- A. RKN virus, thuộc chi *Furovirus*, họ *RubiVirata*.
- B. RKN virus, thuộc chi *Tombusvirus*, họ *Camaviridae*.
- C. vi khuẩn đường ruột *E.coli* và *Salmonella*.
- D. vi khuẩn Gram dương *Erysipelothrix rhusiopathiae*.

**Câu 13.** Vi khuẩn gây bệnh đóng dấu lợn thường tồn tại

- A. trong xác và chất thải vật bị bệnh.
- B. trong niêm mạc mắt và đường sinh dục.
- C. trong dạ dày và ruột non.
- D. trong hệ tiêu hóa và đường hô hấp.

**Câu 14.** Bệnh đóng dấu lợn có thể điều trị được bằng

- A. các loại thuốc hoặc huyết thanh nhằm hỗ trợ việc lưu thông máu, 3 tháng tiêm ngừa 1 lần.
- B. các loại thuốc kháng sinh có tác dụng với vi khuẩn Gram dương kết hợp với một số thuốc trợ sức.

C. các loại thuốc kháng sinh có tác dụng với vi khuẩn Gram âm kết hợp với một số thuốc trợ sức.

D. không có thuốc đặc trị, thường thuốc trộn với thức ăn với một liều duy nhất, thường xuyên cho uống vaccine.

**Câu 15.** Bệnh thường rõ nhất ở lợn từ 2-4 tháng tuổi, vật nuôi chậm lớn, gầy còm, xù lông. Đây là biểu hiện đặc trưng của bệnh

A, dịch tả lợn cổ điển.

B. đóng dấu lợn.

C. giun đũa lợn.

D. phân trắng lợn con.

**Câu 16.** Nguyên nhân gây bệnh giun đũa lợn là

A. RKN virus, thuộc chi *Furovirus*, họ *RubiVirata*.

B. vi khuẩn Gram dương *Erysipelothrix rhusiopathiae*.

C. vi khuẩn đường ruột *E.coli* và *Salmonella*.

D. loài *Ascarissuum*, họ *Ascarididae*.

**Câu 17.** Nhận định **không** đúng về các biện pháp phòng, trị giun đũa lợn là

A. giữ vệ sinh chuồng nuôi và sân chơi, ủ phân đúng cách để diệt trứng giun.

B. không thả rong và không cho lợn ăn rau bèo thủy sinh tươi sống.

C. định kỳ 2 tháng tẩy giun một lần cho lợn, kể cả lợn đang mang thai, đang nuôi con và lợn con theo mẹ.

D. Sử dụng thuốc đặc trị theo chỉ dẫn của bác sĩ thú y, thường dùng thuốc trộn vào thức ăn với một liều duy nhất.

**Câu 18.** Bệnh khá phổ biến ở lợn từ 3 đến 21 ngày tuổi, thường xảy ra khi thời tiết thay đổi. Đây là biểu hiện đặc trưng của bệnh

A, dịch tả lợn cổ điển.

B. đóng dấu lợn.

C. giun đũa lợn.

D. phân trắng lợn con.

**Câu 19.** Lợn con ban đầu vẫn bú mẹ, phân có màu vàng vón lại như hạt đậu sau đó loãng dần có màu trắng . Đây là biểu hiện đặc trưng của bệnh

A, dịch tả lợn cổ điển.

B. đóng dấu lợn.

C. giun đũa lợn.

D. phân trắng lợn con.

**Câu 20.** Lợn con bỏ bú, run rẩy, hạ thân nhiệt, thường chết sau 5-7 ngày. Đây là biểu hiện đặc trưng của bệnh

A, dịch tả lợn cổ điển.

B. đóng dấu lợn.

C. giun đũa lợn.

D. phân trắng lợn con.

**Câu 21.** Cho các nguyên nhân gây bệnh sau đây

I. Điều kiện vệ sinh, dinh dưỡng.

II. Do đặc điểm sinh lí lợn con.

III. Do vi khuẩn.

IV. Do virus.

Có bao nhiêu nguyên nhân chính gây ra bệnh phân trắng lợn con?

A.1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

**Câu 22.** Nhận định **không** đúng cho biện pháp phòng bệnh phân trắng lợn con là

A. đảm bảo dinh dưỡng đầy đủ cho lợn mẹ khi mang thai và khi nuôi con.

B. tiêm chế phẩm bổ sung sắt cho lợn con vào thời điểm 3 đến 10 ngày tuổi.

C. giữ cho chuồng nuôi ẩm, khô, sạch sẽ, chỗ lợn con nằm cần dọn rơm, trấu.

D. cho vật nuôi uống nước chiết từ các loại quả, dùng thuốc kháng sinh.

**Câu 23.** Nhận định đúng cho biện pháp điều trị bệnh phân trắng lợn con là

- A. đảm bảo dinh dưỡng đầy đủ cho lợn mẹ khi mang thai và khi nuôi con.
- B. tiêm chế phẩm bổ sung sắt cho lợn con vào thời điểm 3 đến 10 ngày tuổi.
- C. giữ cho chuồng nuôi ẩm, khô, sạch sẽ, chỗ lợn con nằm cần dọn rơm, trấu.
- D. cho vật nuôi uống nước chiết từ các loại quả, dùng thuốc kháng sinh.

## **Phần II. Trắc nghiệm Đúng- Sai**

**Câu 1.** Ở chuồng nuôi lợn của gia đình, ông Thanh lo lắng về tình trạng dịch bệnh lan rộng trong đàn gia súc và muốn tìm hiểu về cách phòng bệnh để bảo vệ sức khỏe và năng suất đàn lợn của mình. Những nhận định sau đây là đúng hay sai trong việc phòng một số bệnh phổ biến cho đàn lợn?

- ..... a. Giúp bảo vệ vật nuôi khỏi các bệnh tật và tăng năng suất.
- ..... b. Không có ảnh hưởng gì đáng kể đến vật nuôi.
- ..... c. Giúp giảm thiểu thiệt hại do dịch bệnh và cải thiện hiệu quả chăn nuôi.
- ..... d. Phòng bệnh không quan trọng, chỉ cần điều trị khi có bệnh.

**Câu 2.** Bà Lan đang tìm hiểu về các phương pháp điều trị bệnh cho vật nuôi và muốn biết liệu điều trị bệnh sớm có giúp cải thiện hiệu quả chăn nuôi không. Những nhận định sau đây là đúng hay sai trong việc điều trị sớm một số bệnh phổ biến cho đàn lợn?

- ..... a. Giúp vật nuôi hồi phục nhanh và giảm thiệt hại.
- ..... b. Không có ảnh hưởng đến hiệu quả chăn nuôi.
- ..... c. Giúp hạn chế dịch bệnh lây lan và tăng cường sức khỏe đàn vật nuôi.
- ..... d. Điều trị bệnh không cần thiết nếu vật nuôi có khả năng tự phục hồi.

## **Phần III. Tự luận**

**Câu 1.** Đối với lợn thường hay mắc phải các loại bệnh gì? Nêu nguyên nhân dẫn tới một loại bệnh lợn thường mắc phải và vận dụng kiến thức đã học về phòng trị bệnh cho lợn vào thực tiễn?

**Câu 2.** Có những biện pháp nào để giảm thiểu tác động của việc chăn nuôi đến môi trường xung quanh?

**Đáp án:**

**Câu 1.**

- Ở lợn các bệnh thường hay mắc phải như bệnh dịch tả lợn cổ điển, bệnh đóng dấu lợn, bệnh giun đũa lợn, bệnh phân trắng lợn con.

- Ví dụ: bệnh giun đũa lợn, nguyên nhân gây bệnh là do giun đũa lợn thuộc loài *Ascaris suum*, họ *Ascarididae*, có hình dạng giống chiếc đũa, kí sinh trong ruột non của lợn.

- Biện pháp phòng, trị bệnh giun đũa lợn:

+ **Phòng bệnh:**

- giữ vệ sinh chuồng nuôi và sân chơi, ủ phân đúng cách để diệt trứng giun.
- không thả rông, không cho lợn ăn rau, bèo tươi sống.
- định kì 3 tháng tẩy giun cho lợn 1 lần (trừ lợn đang mang thai, đang nuôi con, lợn con theo mẹ).

+ **Điều trị:** sử dụng thuốc đặc trị theo chỉ dẫn của bác sĩ thú y. Thường dung trộn vào thức ăn với một liều duy nhất.

(Có thể trình bày bệnh khác)

**Câu 2.** Một số giải pháp cụ thể như sau:

- Quy hoạch, xây dựng chuồng trại:.....
- Xây dựng hệ thống hầm biogas:.....
- Ủ phân bằng phương pháp sinh học cùng với việc che phủ kín:.....
- Sử dụng Zeolit, dung dịch điện hoạt hóa Anolit các chế phẩm sinh học:.....
- Chăn nuôi trên đệm lót sinh thái:.....

## **BÀI 14. PHÒNG TRỊ MỘT SỐ BỆNH PHỔ BIẾN Ở GIA CẦM**

### **Phần I. Trắc Nghiệm Nhiều Lựa Chọn**

**Câu 1.** Gia cầm sốt cao, mệt mỏi, ủ rũ, đi loạng choạng, quay cuồng, khó thở, chảy nước mắt, nước mũi. Đây là biểu hiện đặc trưng của bệnh

- A.** cúm gia cầm.                      **B.** cầu trùng gà.                      **C.** giun đũa.                      **D.** dịch tả.

**Câu 2.** Sau nhiễm bệnh từ 1 đến 3 ngày, gà chết do suy hô hấp và ngạt thở. Đây là biểu hiện đặc trưng của bệnh

- A.** cúm gia cầm.                      **B.** cầu trùng gà.                      **C.** giun đũa.                      **D.** dịch tả.

**Câu 3.** Mào sưng tích nước, đỏ sẫm, da chân có xuất huyết đỏ. Đây là biểu hiện đặc trưng của bệnh

- A.** cúm gia cầm.                      **B.** cầu trùng gà.                      **C.** giun đũa.                      **D.** dịch tả.

**Câu 4.** Khi mổ khám có thể thấy xuất huyết tràn lan ở phổi, tim, gan, lá lách, thận và đường tiêu hóa. Đây là biểu hiện đặc trưng của bệnh

- A.** cúm gia cầm.                      **B.** cầu trùng gà.                      **C.** giun đũa.                      **D.** dịch tả.

**Câu 5.** Nguyên nhân gây ra bệnh cúm gia cầm là

**A.** virus cúm nhóm A, thuộc họ *Orthomyxoviridae*.

**B.** trùng bào tử hình cầu, thuộc họ *Eimeria*.

**C.** vi khuẩn Gram âm *Pasteurella*.

**D.** tiên mao trùng *Trypanosoma evansi*.

**Câu 6.** Cúm gia cầm xâm nhập vào vật nuôi theo 2 con đường chính là

- A.** tiêu hóa và da.                      **B.** tiêu hóa và hô hấp.  
**C.** tiêu hóa và tiếp xúc.                      **D.** Tiêu hóa và thức ăn.

**Câu 7.** Biểu hiện nào sau đây **không** đúng bệnh cúm gia cầm?

- A.** Thời gian ủ bệnh từ vài giờ đến vài ngày.  
**B.** Con vật sốt cao, ủ rũ, đi loạng choạng, khó thở.  
**C.** Qua thời gian ủ bệnh, từ 1 đến 3 ngày sau thì con vật chết do suy hô hấp và ngạt thở.  
**D.** Mào hết nước, thâm tím, gà càng ngày càng gầy, xù lông, sã cánh, mắt nhắm nghiền.

**Câu 8.** Biện pháp điều trị nào sau đây **không** đúng cho bệnh cúm gia cầm?

- A.** Báo ngay cho cán bộ thú y để được hướng dẫn.  
**B.** Trong đơn thuốc thường có một loại thuốc đặc trị cúm.  
**C.** Cách li triệt để: không giết mổ hoặc di chuyển con vật đi và đến khu chăn nuôi.  
**D.** Tiến hành các biện pháp chống dịch theo hướng dẫn của cán bộ thú y.

**Câu 9.** Cho một số biện pháp sau

- I.** Giữ vệ sinh, không thả rong.

- II. Dinh dưỡng, vaccine.
- III. Không nuôi nhiều loại gia cầm.
- IV. Không ăn sản phẩm gia cầm chưa nấu chín.
- V. Bảo hộ lao động.

Có bao nhiêu nhận định đúng trong việc phòng bệnh cúm gia cầm?

- A. 2.                      B. 3.                      C. 4.                      D. 5

**Câu 10.** Nguồn lây nhiễm bệnh nguy hiểm của bệnh cúm gia cầm là

- A. người từ vùng khác đến.
- B. các loài chim hoang dã.
- C. Các thiết bị công nghệ chưa đạt yêu cầu.
- D. vật trong cùng chuồng lây nhiễm cho nhau.

**Câu 11.** Biểu hiện đặc trưng nhất của bệnh cúm gia cầm là

- A. Xuất huyết tràn lan ở đầu.
- B. Da chân có xuất huyết đỏ.
- C. Tụ máu ở phổi, tim, gan, lách, thận.
- D. Sốt cao, rối loạn tinh thần chết nhanh.

**Câu 12.** Bệnh có thể xảy ra ở tất cả các lứa tuổi và bất kì mùa nào trong năm, gà từ 6 đến 60 ngày tuổi có nguy cơ nhiễm bệnh cao nhất. Đây là biểu hiện đặc trưng của bệnh

- A. cúm gia cầm.                      B. cầu trùng gà.                      C. giun đũa.                      D. dịch tả.

**Câu 13.** Lúc đầu gà uống nhiều nước, tiêu chảy với phân chứa thức ăn không tiêu, sau đó vài ngày chuyển sang sấp nâu, phân sòng, lẫn máu và cuối cùng phân toàn máu.

Đây là biểu hiện đặc trưng của bệnh

- A. cúm gia cầm.                      B. cầu trùng gà.                      C. giun đũa.                      D. dịch tả.

**Câu 14.** Vật nuôi gầy rộc, thiếu máu, mào và da nhợt nhạt, xù lông, sã cánh, mắt nhắm nghiền bỏ ăn, chết do mất máu và kiệt sức. Đây là biểu hiện đặc trưng của bệnh

- A. cúm gia cầm.                      B. cầu trùng gà.                      C. giun đũa.                      D. dịch tả.

**Câu 15.** Khi mổ khám có thể thấy xác gầy, ướm, thiếu máu, manh tràng và ruột non xuất huyết tràn lan. Đây là biểu hiện đặc trưng của bệnh

- A. cúm gia cầm.                      B. cầu trùng gà.                      C. giun đũa.                      D. dịch tả.

**Câu 16.** Bệnh cầu trùng gà biểu hiện chủ yếu ở cơ quan

- A. Xúc giác.                      B. thị giác.                      C. Tiêu hóa.                      D. Hô hấp.

**Câu 17.** Tùy thuộc vào tuổi của gà, loài và số lượng cầu trùng có thể chia ra cấp bệnh

- A. mãn tính.                      B. cấp tính.
- C. cấp tính, mãn tính, ẩn tính.                      D. ẩn tính, mãn tính, cấp tính.

**Câu 18.** Nguyên nhân gây bệnh cầu trùng gà là

- A. virus cúm nhóm A, thuộc họ *Orthomyxoviridae*.
- B. trùng bào tử hình cầu, thuộc họ *Eimeria*.
- C. vi khuẩn Gram âm *Pasteurella*.
- D. tiên mao trùng *Trypanosoma evansi*.

**Câu 19.** Nhận định không **không** đúng trong việc phòng bệnh cầu trùng gà là

- A. giữ cho chuồng nuôi luôn khô ráo, sạch sẽ.
- B. không nuôi lẫn nhiều loại gia cầm trong cùng lúc.

C. đảm bảo chế độ dinh dưỡng, chăm sóc phù hợp.

D. dùng một trong các loại thuốc đặc trị cầu trùng.

**Câu 20.** Nhận định đúng trong việc điều trị bệnh cầu trùng gà là

A. không có thuốc đặc trị, khi nghi ngờ cần báo ngay cho bác sĩ thú y địa phương.

B. áp dụng phác đồ điều trị theo chỉ dẫn bác sĩ dùng thuốc đặc trị kết hợp vitamin.

C. có thể điều trị bằng các loại thuốc kháng sinh có tác dụng với vi khuẩn gram âm.

D. tránh cho gia cầm ăn nhiều loại thức ăn dễ lên men, tiêu hủy ngay vật nuôi bị bệnh.

### **Phần II. Trắc nghiệm Đúng- Sai**

**Câu 1.** Anh Minh đang sử dụng các loại thuốc kháng sinh để phòng bệnh cho đàn gà của mình nhưng lo ngại về tác động lâu dài của chúng, việc lạm dụng thuốc kháng sinh trong phòng bệnh cho gà có thể gây ra những hậu quả. Những nhận định sau đây là đúng hay sai trong biện pháp phòng bệnh cho gà?

..... a. Gây ra tình trạng kháng thuốc và làm giảm hiệu quả điều trị.

..... b. Không có tác động tiêu cực nếu sử dụng thường xuyên.

..... c. Làm giảm sức đề kháng tự nhiên của vật nuôi và gây hại cho sức khỏe.

..... d. Giúp tăng hiệu quả phòng bệnh và giảm nguy cơ dịch bệnh.

**Câu 2.** Ông Hùng đang băn khoăn liệu có nên đầu tư vào các biện pháp phòng bệnh cho đàn gà của mình để tránh thiệt hại do dịch bệnh, lợi ích gì của việc phòng bệnh trong chăn nuôi. Những nhận định sau đây là đúng hay sai trong biện pháp phòng bệnh cho gà?

..... a. Giúp giảm thiểu nguy cơ dịch bệnh và tổn thất kinh tế.

..... b. Không cần thiết đầu tư vào phòng bệnh nếu vật nuôi khỏe mạnh.

..... c. Giúp đảm bảo sức khỏe vật nuôi và tăng hiệu quả kinh tế.

..... d. Gây tốn kém và không mang lại lợi ích cụ thể.

### **Phần III. Tự luận**

**Câu 1.** Giả sử em thấy đàn gà nhà mình có các biểu hiện sau: một số con gà mệt mỏi, ủ rũ, xù lông, sẽ cánh, mắt lơ dờ hoặc nhắm nghiền, trên nền chuồng có rải rác một vài bãi phân gà có lẫn máu. Em sẽ làm gì để khắc phục tình trạng này?

*Trả lời:* HS vận dụng dụng kiến thức trong nội dung đã học.

**Câu 2.** Hãy đề xuất biện pháp phòng bệnh an toàn cho người, vật nuôi và môi trường trong hoạt động chăn nuôi gia cầm ở địa phương em?

*Trả lời:* HS vận dụng kiến thức đã học và tìm hiểu thêm trên internet.

## **BÀI 15. PHÒNG TRỊ MỘT SỐ BỆNH PHỔ BIẾN Ở TRÂU, BÒ**

### **Phần I. Trắc Nghiệm Nhiều Lựa Chọn**

**Câu 1.** Trâu, bò sau khi nhiễm bệnh từ 1 đến 3 ngày con vật mệt mỏi, khó thở, sốt cao 41 – 42°C. Đây là biểu hiện đặc trưng của bệnh

A. tụ huyết trùng trâu bò.

B. tiên mao trùng.

C. chướng hơi dạ cỏ.

D. viêm vú.

**Câu 2.** Trâu, bò đi lại khó khăn, niêm mạc mắt, mũi đỏ sẫm, chảy nước mắt, nước mũi, ban đầu táo bón, sau đó tiêu chảy phân lẫn máu và dịch nhầy. Đây là biểu hiện đặc trưng của bệnh

A. tụ huyết trùng trâu bò.

B. tiên mao trùng.

C. chướng hơi dạ cỏ.

D. viêm vú.

**Câu 3.** Nhận định nào sau đây **không** phải là biểu hiện đặc trưng của bệnh tụ huyết trùng ở trâu, bò?

- A. Thời gian ủ bệnh từ 10 đến 30 ngày.
- B. Con vật mệt mỏi, khó thở, sốt cao 41 – 42°C.
- C. Niêm mạc mắt, mũi đỏ sẫm, chảy nước mắt.
- D. Ban đầu bị táo bón, sau đó tiêu chảy phân lẫn máu.

**Câu 4.** Bệnh tụ huyết trùng ở trâu, bò xảy ra nhiều vào

- A. mùa xuân.
- B. mùa khô.
- C. mùa mưa.
- D. quanh năm.

**Câu 5.** Điểm nổi bật của bệnh tụ huyết trùng ở trâu, bò là

- A. Gây tụ huyết ở trong tim, trong gan nên khó nhận biết.
- B. Gây tụ huyết, xuất huyết ở những vùng nhất định trên cơ thể.
- C. Gây xuất huyết ở trong thận, trong tiêu hóa, phổi.
- D. Gây viêm vú, da, bụng, rối loạn tiêu hóa, tiêu chảy.

**Câu 6.** Nguyên nhân gây bệnh tụ huyết trùng trâu bò là

- A. virus cúm nhóm A, thuộc họ *Orthomyxoviridae*.
- B. trùng bào tử hình cầu, thuộc họ *Eimeria*.
- C. vi khuẩn Gram âm *Pasteurella*.
- D. tiên mao trùng *Trypanosoma evansi*.

**Câu 7.** Nhận định nào sau đây **không** đúng về biện pháp phòng, trị bệnh tụ huyết trùng trâu bò?

- A. Nuôi dưỡng, chăm sóc đúng kỹ thuật, đảm bảo vệ sinh chuồng trại, thức ăn, nước uống.
- B. Tiêm phòng đầy đủ vaccine phòng bệnh mỗi năm 2 lần theo chỉ dẫn của bác sĩ thú y.
- C. Có thể điều trị được bằng các loại thuốc kháng sinh có tác dụng với vi khuẩn Gram dương kết hợp với thuốc trợ tim.
- D. khi con vật có dấu hiệu nghi ngờ bệnh thì cần báo cho cơ quan thú y để được hướng dẫn cách xử lý và điều trị bệnh.

**Câu 8.** Bệnh tiên mao trùng ở trâu, bò thường xảy ra vào

- A. tháng nắng.
- B. tháng khô.
- C. Tháng mưa.
- D. quanh năm.

**Câu 9.** Ở thể cấp tính, con vật thường sốt cao, rối loạn thần kinh và chết nhanh. Đây là biểu hiện đặc trưng của bệnh

- A. tụ huyết trùng trâu bò.
- B. tiên mao trùng.
- C. chướng hơi dạ cỏ.
- D. viêm vú.

**Câu 10.** Ở thể mãn tính, bệnh tiên mao trùng con vật có biểu hiện

- A. sốt gián đoạn, ngày sốt, ngày không, thiếu máu, suy nhược kéo dài, mất dần khả năng sản xuất, có thể dẫn đến chết hàng loạt.
- B. sốt cao liên tục, rối loạn thần kinh, suy nhược kéo dài, mất khả năng sản xuất, sau đó bị tiêu chảy và chết nhanh.
- C. con vật mệt mỏi, khó thở, sốt cao 41- 42°C gián đoạn, đi lại khó khăn, chảy nước mắt, nước mũi, lừ đừ, biếng ăn.
- D. dạ cỏ căng to, nhất là ở hõm hông bên trái, lưng hơi cong lên, ngừng ăn, khó thở, da xanh, đi lại khó khăn, chết ngạt.

**Câu 11.** Mầm bệnh của bệnh tiên mao trùng là

- A. tiên mao trùng *Trypanosoma evansi*
- B. tiên mao trùng *Pasteurella*.
- C. tiên mao trùng *Hankon WS*.
- D. tiên mao trùng *Orthomyxoviridae*.

**Câu 12.** Trâu, bò bị nhiễm tiên mao trùng do vật trung gian truyền bệnh là

- A. đĩa.
- B. mòng.
- C. giun.
- D. muỗi.

**Câu 13.** Thời gian phát bệnh ở trâu, bò bị nhiễm tiên mao trùng sau khoảng

- A. 1 tuần.
- B. 2 tuần.
- C. 3 tuần.
- D. 4 tuần.

**Câu 14.** Nhận định đúng về các biện pháp phòng bệnh tiên mao trùng là

- A. nuôi dưỡng, chăm sóc đúng kỹ thuật, tiêm vaccine mỗi năm 2 lần, đảm bảo vệ sinh chuồng trại.
- B. đảm bảo vệ sinh chuồng trại, bãi chăn thả, phát quang bụi rậm, phun thuốc diệt côn trùng định kỳ.
- C. tránh cho con vật ăn quá nhiều các loại thức ăn dễ lên men sinh hơi, đảm bảo chế độ ăn, chăm sóc.
- D. giữ cho chuồng trại sạch sẽ, khô ráo, nuôi dưỡng, chăm sóc đúng kỹ thuật, nhất là khâu vắt sữa.

**Câu 15.** Nhận định đúng về các biện pháp trị bệnh tiên mao trùng là

- A. điều trị được bằng các loại thuốc kháng sinh có tác dụng với vi khuẩn Gram âm.
- B. dùng thuốc đặc trị theo chỉ dẫn của bác sĩ thú y, vật nuôi bệnh cần cách li.
- C. khi phát hiện bệnh cần báo bác sĩ thú y kịp thời, kê cao đầu, dùng rơm, cỏ khô.
- D. dùng cao tiêu xoa vào bầu vú bị viêm, dùng thuốc đặc trị viêm vú bôi vào bầu vú.

**Câu 16.** Vật nuôi bị bệnh có biểu hiện dạ cỏ căng to, hông bên trái hõm, lưng hơi cong lên, ngừng ăn, khó thở, chết do ngạt thở. Đây là đặc điểm của

- A. bệnh tụ huyết trùng.
- B. bệnh tiên mao trùng.
- C. bệnh chướng hơi dạ cỏ.
- D. bệnh cầu trùng.

**Câu 17.** Vật nuôi ăn quá nhiều thức ăn dễ lên men sinh hơi như lá cải bắp, lá khoai lang, ngọn mía, cỏ bị ứ đọng... là nguyên nhân gây

- A. bệnh tụ huyết trùng.
- B. bệnh tiên mao trùng.
- C. bệnh chướng hơi dạ cỏ.
- D. bệnh viêm vú.

**Câu 18.** Thức ăn bị nhiễm phosphorus hữu cơ là nguyên nhân gây

- A. bệnh tụ huyết trùng.
- B. bệnh tiên mao trùng.
- C. bệnh chướng hơi dạ cỏ.
- D. bệnh viêm vú.

**Câu 19.** Nhận định nào sau đây **không** đúng về biện pháp phòng, trị bệnh chướng hơi dạ cỏ là

- A. tránh cho con vật ăn quá nhiều loại thức ăn dễ lên men sinh hơi.
- B. khi phát hiện bệnh thì cần báo bác sĩ thú y để được tư vấn điều trị kịp thời.
- C. cho vật nuôi nằm kê cao đầu, dùng rơm, cỏ khô chà xát vào vùng hõm hông bên trái.
- D. Cách li vật nuôi bị bệnh, điều trị kịp thời bằng thuốc đặc trị theo hướng dẫn bác sĩ.

**Câu 20.** Nhận định **không** đúng biểu hiện của bệnh viêm vú là

- A. bầu vú sưng, nóng, đỏ.

- B. sản lượng sữa giảm hoặc mất hẳn.
- C. sữa có mùi hôi, chuyển sang màu đen.
- D. đau đốn nên không cho con bú, không cho vắt sữa.

**Câu 21.** Nguyên nhân gây ra bệnh viêm vú là

- A. vắt sữa không đúng kỹ thuật, vệ sinh chuồng trại, thân thể vật nuôi không đảm bảo.
- B. cho vật nuôi ăn thức ăn dễ lên men, thức ăn bị nhiễm chất độc phosphorus hữu cơ.
- C. do một loại kí sinh trùng đơn bào, có hình mũi khoan, kí sinh di chuyển trong máu.
- D. do vi khuẩn Gram âm *Pasteurella* có sức đề kháng cao, tồn tại lâu trong đất ẩm.

### **Phần II. Trắc Nghiệm Đúng sai**

**Câu 1.** Anh Quân đang áp dụng các biện pháp phòng bệnh theo khuyến cáo của chuyên gia nhưng vẫn còn lo lắng về hiệu quả và những lợi ích của chúng. Những nhận định sau đây đúng hay sai về biện pháp phòng bệnh cho vật nuôi?

- ..... a. Giúp vật nuôi khỏe mạnh hơn và giảm thiểu dịch bệnh.
- ..... b. Không có tác động nhiều đến hiệu quả chăn nuôi.
- ..... c. Giúp cải thiện chất lượng sản phẩm và tăng hiệu quả kinh tế.
- ..... d. Phòng bệnh không cần thiết vì vật nuôi có thể tự chống lại bệnh tật.

### **Phần III. Tự Luận**

**Câu 1.** Hãy điều tra tình hình các bệnh phổ biến ở trâu, bò có trong bài học ở địa phương em và hoàn thành một số thông tin cụ thể sau:

1. Bệnh có xuất hiện không? Trên đối tượng trâu, bò nào?
2. Thời gian và tần suất xuất hiện của bệnh như thế nào?
3. Biện pháp phòng, trị bệnh được áp dụng như thế nào?
4. Việc phòng, trị bệnh như vậy có hiệu quả và đảm bảo an toàn cho con người và môi trường không?
5. Nếu không em hãy đề xuất các biện pháp để khắc phục.

Trả lời: HS nghiên cứu SGK trả lời

## **BÀI 16. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SINH HỌC TRONG PHÒNG TRỊ BỆNH CHO VẬT NUÔI**

### **Phần I. Trắc Nghiệm Nhiều Lựa Chọn**

**Câu 1.** Chẩn đoán di truyền là

- A. sử dụng các xét nghiệm dựa trên chỉ thị phân tử như nucleic acid (DNA, RNA), đoạn gene hay bộ gene hoàn chỉnh của vi sinh vật để chẩn đoán bệnh.
- B. sử dụng các xét nghiệm dựa trên chỉ thị nguyên tử như perclonic acid (PDA, HNA), đoạn gene hay bộ gene hoàn chỉnh của vi sinh vật để chẩn đoán bệnh.
- C. áp dụng công nghệ gene để khống chế cách hoạt động của vi khuẩn và tế bào trên một mô nhằm xác định bệnh tật.
- D. áp dụng công nghệ hoá - sinh để khống chế cách hoạt động của vi khuẩn và tế bào trên cơ thể nhằm xác định bệnh tật.

**Câu 2.** Kỹ thuật chuẩn đoán dựa trên chỉ thị phân tử được ứng dụng phổ biến là phương pháp

- A. PCR.
- B. PCP.
- C. IPL.
- D. ICB.

**Câu 3.** Công nghệ nào sau đây được ứng dụng trong sản xuất vaccine?

- A. Công nghệ vaccine tái tổ hợp.
- B. Công nghệ thuốc kháng sinh nhân tạo.

C. Công nghệ diệt virus độc hại.

D. Công nghệ tạo giống virus.

**Câu 4.** Nguồn kháng nguyên sử dụng để sản xuất vaccine bằng công nghệ mới là

A. nucleic acid hoặc các đoạn gene.

B. nucleic acid hoặc các đoạn amino acid.

C. nucleic acid hoặc các hợp tử.

D. nucleic acid hoặc các loại vi khuẩn độc hại.

**Câu 5.** Kháng sinh được sản xuất từ vi sinh vật gồm

A. vi khuẩn, xạ khuẩn, nấm mốc.

B. thủy tức, vi khuẩn, xạ khuẩn.

C. nucleic acid hoặc các hợp tử.

D. virus độc hại, xạ khuẩn.

**Câu 6.** Kháng sinh được sản xuất ở quy mô công nghiệp trong hệ thống lên men liên tục, nhờ đó

A. kháng sinh được tạo ra nhanh, nhiều, đồng đều với giá thành thấp hơn so với những phương pháp khác.

B. kháng sinh được tạo ra nhanh, ít, đồng đều với giá thành thấp hơn so với những phương pháp khác.

C. kháng sinh được tạo ra nhiều, đồng đều với giá thành cao hơn so với những phương pháp khác.

D. kháng sinh được tạo ra ít, đồng đều với giá thành cao hơn so với những phương pháp khác.

**Câu 7.** Ứng dụng nào sau đây **không** phải ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi?

A. Ứng dụng công nghệ chẩn đoán di truyền trong chẩn đoán bệnh cho vật nuôi.

B. Ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất vaccine phòng bệnh cho vật nuôi

C. Ứng dụng công nghệ lên men liên tục trong sản xuất kháng sinh điều trị bệnh cho vật nuôi

D. Ứng dụng công nghệ acid sulfuric xúc tác trong loại bỏ virus có hại.

**Câu 8.** Phương pháp PCR là

A. một kỹ thuật khống chế hoạt động của sinh vật được ứng dụng phổ biến.

B. một kỹ thuật biến đổi hoạt động của sinh vật được ứng dụng phổ biến.

C. một kỹ thuật chẩn đoán dựa trên chỉ thị nguyên tử được ứng dụng phổ biến.

D. một kỹ thuật chẩn đoán dựa trên chỉ thị phân tử được ứng dụng phổ biến.

**Câu 9.** Nhận định **đúng** về ứng dụng công nghệ sinh học là

A. kỹ thuật xét nghiệm dựa trên chỉ thị phân tử như PCR giúp rút ngắn thời gian và nâng cao độ chính xác trong chẩn đoán bệnh vật nuôi.

B. các công nghệ mới trong sản xuất vaccine được tạo ra nhanh, an toàn và hiệu quả hơn so với phương pháp truyền thống.

C. công nghệ lên men liên tục giúp kháng sinh được sản xuất ra nhanh, nhiều, đồng đều nhưng giá thành cao hơn so với phương pháp truyền thống.

D. sản xuất vaccine bằng công nghệ mới có thể là AND hoặc ARN của mầm bệnh mà không phải là vi sinh vật hoàn chỉnh.

**Câu 10.** Nhận định đúng về ứng dụng công nghệ PCR là

A. PCR là một kỹ thuật trong công nghệ sinh học, do Kary Mullis phát minh ra vào năm 1983, đến nay đã được hoàn thiện qua nhiều cải tiến và được tự động hóa hoàn toàn.

**B.** kĩ thuật này vận dụng các kiến thức sinh học phân tử nhằm tạo ra vô số bản sao từ đoạn AND ban đầu có khi rất nhỏ so với số lượng tối thiểu mà không cần sử dụng các sinh vật sống.

**C.** PCR đã được sử dụng rất phổ biến và là công cụ không thể thiếu trong nghiên cứu PDA thuộc lĩnh vực sinh học, y học, tội phạm học, xác định huyết thống.

**D.** PCR phục vụ nhiều mục đích khác nhau như phát hiện các bệnh di truyền, nhận dạng tội phạm, bệnh nhiễm trùng, xét nghiệm Covid 19 sản xuất vaccine chống đại dịch.

**Câu 11.** Nhận định **không** đúng về ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi là

**A.** ứng dụng công nghệ chẩn đoán di truyền trong chẩn đoán bệnh cho vật nuôi.

**B.** ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất vaccine phòng bệnh cho vật nuôi.

**C.** ứng dụng công nghệ lên men liên tục trong sản xuất kháng sinh điều trị bệnh cho vật nuôi.

**D.** ứng dụng công nghệ acid sunlfuric xúc tác trong loại bỏ virus có hại.

**Câu 12.** Nhận định **không** đúng về ứng dụng công nghệ trong sản xuất vaccine là

**A.** công nghệ vaccine tái tổ hợp.

**B.** kĩ thuật tạo giống virus trao đổi gen.

**C.** sử dụng virus vector.

**D.** công nghệ baculovirus.

**Câu 13.** Theo phương pháp truyền thống sản xuất vaccine có giá thành cao và chất lượng mỗi sản phẩm có thể không đồng đều do

**A.** kháng sinh được sản xuất và gia công bằng tay, không có máy móc hỗ trợ nên độ chính xác giảm xuống.

**B.** việc sản xuất vaccine phải trải qua quá trình kiểm nghiệm nghiêm ngặt.

**C.** các vi sinh vật được nuôi cấy, nhân lên sau đó trải qua quy trình phức tạp để chiết tách kháng sinh.

**D.** kháng sinh được sản xuất trong hệ thống lên men từng mẻ nên tốn nhiều thời gian để tạo ra một đơn vị sản phẩm.

**Câu 14.** Ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi đem lại lợi ích cho ngành chăn nuôi là

**A.** giúp con người không bao giờ phải lo toan đến sức khỏe của vật nuôi.

**B.** giúp việc chăm sóc, điều trị bệnh cho vật nuôi được nhanh chóng, hiệu quả tốt, tốn ít chi phí.

**C.** giúp vật nuôi trở nên khỏe mạnh vô cùng, chống chịu được mọi loại bệnh tật.

**D.** giúp chẩn đoán dựa trên chỉ thị phân tử được ứng dụng phổ biến là phương pháp PCR chẩn đoán cho vật nuôi về bệnh do virus và vi khuẩn.

**Câu 15.** Kháng sinh sản xuất theo phương pháp hiện đại được tạo ra nhanh, nhiều, đồng đều với giá thành thấp hơn so với phương pháp truyền thống là

**A.** mỗi đơn vị kháng sinh được chăm chút tỉ mỉ, có sự kiểm soát của con người.

**B.** kháng sinh được sản xuất ở quy mô công nghiệp trong hệ thống lên men liên tục.

**C.** các loại vi sinh vật để sản xuất kháng sinh hiện đại có sự tương thích cao hơn hẳn các loại vi sinh vật để sản xuất kháng sinh theo phương pháp truyền thống.

**D.** kháng sinh được sản xuất trong hệ thống lên men từng mẻ nên tốn nhiều thời gian để tạo ra một đơn vị sản phẩm miễn dịch tốt, hiệu quả hơn vaccine cổ điển.

**Câu 16.** Cho các nhận định sau đây. Nhận định đúng của phương pháp PCR gồm

I. Các số liệu khó tương thích với các phần mềm máy tính.

II. Thiết bị phức tạp, đắt tiền.

III. Quy trình kỹ thuật phức tạp.

IV. Đòi hỏi kỹ thuật viên có kỹ năng cao.

A. I, II, III.

B. I, III, IV.

C. II, III, IV.

D. I, II, IV.

**Câu 17.** Lợi ích việc ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho ngành chăn nuôi gồm

I. Giúp con người không bao giờ phải lo toan đến sức khỏe của con vật nữa.

II. Giúp việc chăm sóc, điều trị bệnh cho vật nuôi được nhanh chóng, hiệu quả, tốn ít chi phí hơn.

III. Giúp vật nuôi trở nên khỏe mạnh vô cùng, chống chịu được mọi loại bệnh tật.

A. I, II.

B. I, III.

C. II, III.

D. II, I.

### **BÀI 17. MỘT SỐ KIỂU CHUỒNG NUÔI GIA SÚC VÀ GIA CẢM**

**Câu 1.** Theo yêu cầu xây dựng chuồng nuôi, vị trí được chọn để xây dựng chuồng cần

A. cao ráo, thoáng mát, thoát nước tốt, xa dân cư, trường học.

B. thấp hơn vị trí nhà, thoáng mát, thoát nước tốt, xa dân cư, trường học.

C. cao ráo, kín đáo, thoát nước tốt, xa dân cư, trường học.

D. cao ráo, thoáng mát, thoát nước tốt, gần dân cư, trường học.

**Câu 2.** Theo yêu cầu xây dựng chuồng nuôi, mặt bằng được chọn để xây dựng chuồng cần

A. tính toán phù hợp với quy mô chăn nuôi.

B. tính toán phù hợp với điều kiện máng ăn.

C. chỉ cần xây dựng tạm bợ, gần khu dân cư.

D. cao ráo, thoáng mát, thoát nước tốt, gần dân cư.

**Câu 3.** Theo yêu cầu xây dựng chuồng nuôi, dụng cụ, trang thiết bị chăn nuôi cần

A. đầy đủ, phù hợp với đối tượng vật nuôi theo từng giai đoạn sinh trưởng.

B. đầy đủ, đại trà với đối tượng vật nuôi theo từng giai đoạn sinh trưởng.

C. không cần đầy đủ, phù hợp với đối tượng vật nuôi cho tất cả giai đoạn sinh trưởng.

D. không cần phù hợp, đầy đủ với đối tượng vật nuôi cho tất cả giai đoạn sinh trưởng.

**Câu 4.** Chuồng nuôi bò được thiết kế theo kiểu nào sau đây?

A. Chuồng kín hai dãy.

B. Chuồng hở có một hoặc hai dãy.

C. Chuồng kín hai dãy hoặc chuồng hở có một hoặc hai dãy.

D. Phối kết hợp cả chuồng kín hai dãy và chuồng hở một dãy.

**Câu 5.** Chuồng gà đẻ nuôi lồng được thiết kế giống như chuồng gà nuôi nền chỉ khác

A. Hệ thống vệ sinh.

B. Hệ thống lồng nuôi.

C. Hệ thống tản nhiệt.

D. Hệ thống hút nhiệt.

**Câu 6.** Nhận định **không** đúng về kiểu chuồng nuôi hờ là

A. chuồng nuôi được thiết kế thông thoáng tự nhiên, có bạt hoặc rèm che linh hoạt.

B. chuồng có đầu tư chi phí thấp hơn chuồng kín.

C. chuồng này phù hợp với quy mô nuôi công nghiệp, chăn thả có quy củ, thân thiện với môi trường.

D. kiểu chuồng này khó kiểm soát tiểu khí hậu chuồng nuôi và dịch bệnh.

**Câu 7.** Yêu cầu mặt bằng về xây dựng chuồng nuôi là

A. tính toán phù hợp với quy mô chăn nuôi, đảm bảo đủ diện tích cho từng con vật nuôi (nhà hàng, khách sạn, sân golf, bể bơi).

B. tính toán phù hợp với quy mô chăn nuôi, đảm bảo đủ diện tích cho từng con vật nuôi (nơi ở, máng ăn, máng uống, sân chơi).

C. xây dựng càng lớn càng tốt, tận dụng mọi nguồn lực về cơ sở vật chất, không gian.

D. xây dựng càng nhỏ càng tốt, tận dụng mọi nguồn lực về cơ sở vật chất, không gian.

**Câu 8.** Máng ăn, máng uống đối với gà nuôi nền loại máng thông dụng là

A. máng ăn tự động và núm uống tự động.

B. máng dài chia ô và núm uống nhỏ giọt.

C. máng tròn chia ô và hệ thống cung cấp thức ăn nước uống tự động.

D. máng nhựa treo giữa chuồng, cung cấp thức ăn nước uống nhờ vào người phụ trách.

**Câu 9.** Nhận định **không** đúng về kiểu chuồng kín là

A. chuồng được thiết kế khép kín hoàn toàn với hệ thống kiểm soát tiểu khí hậu chuồng nuôi tự động (quạt thông gió, hệ thống làm mát).

B. chuồng kiểu này phù hợp với phương thức nuôi tại gia, quy mô nhỏ, góp phần giữ gìn vệ sinh chung.

C. kiểu chuồng này dễ quản lý và kiểm soát dịch bệnh do ít chịu tác động của môi trường bên ngoài.

D. chi phí đầu tư ban đầu cho hệ thống khá lớn.

**Câu 10.** “ Gà con khi mới nở, cần bố trí quây úm cho gà con mới nở ngay tại chuồng.

Sử dụng bìa cứng, cút ép, tấm nhựa...có chiều cao 40 – 50 cm, đường kính từ 2,5 – 3 m, quây úm cho 300 - 500 gà con. Trong quây có bố trí đèn sưởi, máng ăn, máng uống.

Đây là yêu cầu kỹ thuật của chuồng nuôi

A. gà thịt.

B. gà đẻ nuôi nền.

C. gà đẻ nuôi lồng.

D. gà nuôi trên không.

**Câu 11.** “ Chuồng lợn nái hậu bị, chuồng lợn nái đẻ, chuồng gà thịt,...” Phân loại kiểu chuồng theo

A. đối tượng vật nuôi.

B. giai đoạn sinh trưởng.

C. quy mô chăn nuôi.

D. yêu cầu người chăn nuôi.

**Câu 12.** Nhận định **không** đúng về yêu cầu làm mái chuồng là

A. làm cao 3 – 4 m để đảm bảo thông thoáng.

B. mái nên sử dụng vật liệu cách nhiệt (tôn lạnh, tôn kẽm,...).

C. mái có độ dốc 30 - 40 % để tránh đọng nước.

D. ưu tiên làm kiểu 3 mái.

**Câu 13.** Cho các nhận định sau

I. Chuồng được thiết kế thông thoáng tự nhiên, có bạt hoặc rèm che linh hoạt.

II. Kiểu chuồng này phù hợp với quy mô nuôi công nghiệp, chăn thả có quy củ, thân thiện với môi trường.

III. Kiểu chuồng này có chi phí đầu tư thấp hơn chuồng kín.

IV. Kiểu chuồng này khó kiểm soát tiểu khí hậu chuồng nuôi và dịch bệnh.

Các nhận định đúng khi nói về kiểu chuồng hở là

A. I, II, III.

B. I, III, IV.

C. II, III, IV.

D. I, II, IV.

**Câu 14.** Cho các nhận định sau

I. Chuồng được thiết kế khép kín hoàn toàn với hệ thống kiểm soát tiểu khí hậu chuồng nuôi tự động (quạt thông gió, hệ thống làm mát,...)

II. Chuồng kiểu này phù hợp với phương thức nuôi tại gia, quy mô nhỏ, góp phần giữ gìn vệ sinh chung.

III. Kiểu chuồng này dễ quản lí và kiểm soát dịch bệnh do ít chịu tác động của môi trường bên ngoài.

IV. Chi phí đầu tư ban đầu cho hệ thống khá lớn.

Các nhận định đúng về kiểu chuồng kín là

A. I, II, III.

B. I, III, IV.

C. II, III, IV.

D. I, II, IV.

**Câu 15.** Nhận định nào sau đây **không** đúng về kiểu chuồng nuôi kín – hở linh hoạt?

A. Kiểu chuồng kín – hở linh hoạt là kiểu chuồng kín không hoàn toàn.

B. Các dãy chuồng được thiết kế hở hai bên với hệ thống bạt che hoặc hệ thống cửa đóng mở linh hoạt.

C. Khi thời tiết thuận lợi, chuồng được vận hành như chuồng kín. Khi thời tiết không thuận lợi (nắng nóng, rét, lạnh) chuồng được vận hành như chuồng hở.

D. Cuối dãy chuồng có hệ thống làm mát và quạt thông gió.

**Câu 16.** Nhận định **không** đúng về kĩ thuật chuồng nuôi lợn thịt công nghiệp là

A. chăn nuôi lợn thịt công nghiệp quy mô lớn thường sử dụng kiểu chuồng hở chia vùng chuồng cuối khép hở hoàn toàn, có hệ thống các cửa sổ kính để lấy ánh sáng vào buổi tối.

B. cửa ra vào và các cửa sổ đều được thiết kế dạng khép kín phù hợp với hệ thống điều hòa không khí trong chuồng.

C. một đầu chuồng được lắp đặt hệ thống tấm làm mát, đầu kia là hệ thống quạt thông gió công nghiệp.

D. nền chuồng được làm từ bê tông, xi măng hoặc sàn nhựa công nghiệp, mái chuồng cao tối thiểu 3 m so với nền, có thể lợp bằng tôn lạnh hoặc sử dụng mái ngói.

**Câu 17.** Diện tích mỗi ô của chuồng nuôi lợn thịt công nghiệp là

A.  $5\text{m}^2/\text{con}$ .

B.  $2\text{m}^2/\text{con}$ .

C.  $0,7\text{m}^2/\text{con}$ .

D.  $0,25\text{m}^2/\text{con}$ .

**Câu 18.** Nhận định nào dưới đây là đúng cho khoảng trống sau: “ Chuồng ..... Thông thường là hệ thống chuồng kín, có hệ thống điều hòa nhiệt độ và thông thoáng khí như quạt, tấm làm mát, quạt thông gió công nghiệp, chuồng sử dụng máng ăn cố định vào thành chuồng hoặc máng tự động đặt trên nền, hệ thống cung cấp nước uống và núm uống tự động”

A. nuôi lợn thịt công nghiệp.

B. nuôi lợn nái đẻ và nuôi con.

C. nuôi gà nền.

D. nuôi gà đẻ nuôi lồng.

**Câu 19.** Nhận định **không** đúng về yêu cầu xây dựng chuồng nuôi là

**A.** chia khu riêng biệt: nhà trực, khu cách li, khu làm việc của nhân viên kĩ thuật, nhà kho, khu chế biến thức ăn, khu chăn nuôi, khu vệ sinh khử trùng, khu thay quần áo cho công nhân, khu xử lí chất thải.

**B.** thiết kế chuồng: phù hợp với từng lứa tuổi, đối tượng vật nuôi và thuận tiện trong nuôi dưỡng, chăm sóc.

**C.** dụng cụ, trang thiết bị chăn nuôi: đầy đủ phù hợp với đối tượng vật nuôi và từng giai đoạn sinh trưởng, trang thiết bị chăn nuôi phải đảm bảo hiệu quả, an toàn và dễ vệ sinh.

**D.** hệ thống xử lí chất thải: chỉ cần làm tối giản, đủ để loại bỏ một số chất độc hại, chất thải chăn nuôi ít gây hại cho môi trường.

**Câu 20.** Yêu cầu nền chuồng trong xây dựng chuồng nuôi là

**A.** nền cao hơn mặt đất 10 – 20 cm để tránh ẩm ướt, độ dốc 1 – 2 % đối với chuồng sản và có rãnh thoát nước đối với chuồng nền.

**B.** nền cao hơn mặt đất 30 – 50 cm để tránh ẩm ướt, độ dốc 1 – 2% đối với chuồng nền và có rãnh thoát đối với chuồng sàn.

**C.** nền cao hơn mặt đất 60 – 120 cm để tránh ẩm ướt, không trơn trượt, độ dốc 2 — 5% đối với chuồng nền và có rãnh thoát nước đối với chuồng sàn.

**D.** nền cao hơn mặt đất 80 – 150 cm để tránh ẩm ướt, không trơn trượt, độ dốc 2 – 5% đối với chuồng nền và có rãnh thoát nước đối với chuồng sàn.

### **Phần II. Trắc nghiệm đúng sai**

**Câu 1.** Một trang trại đang muốn nuôi bò sữa theo mô hình bán công nghiệp. Họ cần thiết kế chuồng trại và lập kế hoạch chăm sóc bò sao cho đảm bảo năng suất và sức khỏe của bò. Họ đưa ra các nhận định sau, theo bạn các nhận định đó là đúng hoặc sai?

a. Chuồng nuôi bò sữa cần có hệ thống thông gió và nhiệt độ phù hợp để bò cảm thấy thoải mái, góp phần tăng năng suất.

b. Thức ăn cho bò sữa cần đa dạng, bao gồm thức ăn thô, thức ăn tinh, và thức ăn bổ sung để đảm bảo bò phát triển tốt.

c. Bò sữa chỉ cần ăn cỏ xanh và không cần bổ sung thức ăn tinh hoặc thức ăn bổ sung.

d. Chuồng trại nuôi bò sữa trong mô hình bán công nghiệp không cần có hệ thống thoát nước hay khu vực vệ sinh riêng.

## **BÀI 18. QUY TRÌNH NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC MỘT SỐ LOẠI VẬT NUÔI**

### **Phần I. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn**

**Câu 1.** Ý nào sau đây là **không** đúng ở bước chuẩn bị trong quy trình nuôi gà thịt công nghiệp?

**A.** Vệ sinh, khử trùng chuồng trại, máng ăn, máng uống.

**B.** Nền chuồng trải trấu khô, sạch, dày khoảng 5- 10 cm.

**C.** Đối với gà lớn, sử dụng máng treo 40 con/ máng, máng uống hình chuông 100 – 120 con/ máng.

**D.** Quay úm có đường kính 2m cho 500 gà con, 1 máng ăn khay tròn và một bình uống 8l cho 80 1100 con gà, 3 bóng đèn 75W trong quay cho 100 – 110 gà con.

**Câu 2. Ý không đúng** trong kỹ thuật chăm sóc lợn thịt là

- A. khi phân đàn, cần đảm bảo khối lượng lợn trong cùng một lô không nên chênh lệch quá nhiều.
- B. vệ sinh và khử trùng chuồng trại cũng thực hiện trong suốt quá trình nuôi.
- C. tiêm vaccine phòng các bệnh: dịch tả lợn cổ điển, lở mồm long móng, phó thương hàn, tai xanh.
- D. lợn con sau khi cai sữa sẽ được ở cùng lợn mẹ và lợn cha để tiện nuôi dưỡng, chăm sóc, khi ghép đàn cần chú ý tránh để lợn phân biệt đàn và cắn nhau.

**Câu 3. Các ý sau đây là quy trình kỹ thuật**

- I. Kiểm tra sót nhau ở lợn mẹ.
- II. Ôm úm lợn con có đèn sưởi nhiệt 35°C, những ngày sau giảm 20°C/ ngày đến ngày thứ 8 duy trì 23-25°C.
- III. Cho lợn con bú sữa đầu trong 16h sau sinh (con nhỏ bú trước).
- IV. Tiêm sắt cho lợn con 1 – 3 ngày tuổi.
- A. Những biểu hiện của lợn nái sắp sinh.
- B. Công đoạn chuẩn bị đỡ đẻ lợn nái.
- C. Quá trình đỡ đẻ lợn nái.
- D. Chăm sóc lợn nái và lợn con sau sinh.

**Câu 4. Ý không đúng** trong quy trình nuôi gà thịt lông màu bán chăn thả là

- A. gà được chăn thả tự do khi thời tiết thuận lợi, có nắng ấm, bãi thả khô ráo để gà vận động, tìm thức ăn.
- B. cho gà ăn 2 lần/ ngày (sáng và chiều mát), cho gà uống nước tự do, thức ăn, nước uống phải đảm bảo chất lượng, vệ sinh.
- C. tiêm vaccine phòng các bệnh: ND, Gumboro, đậu gà, tụ huyết trùng,
- D. từ tuần thứ 15 phải sử dụng thức ăn đậm đặc để duy trì thể trạng cho vật nuôi thay vì sử dụng thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh hoặc thức ăn tự phối trộn gồm màu xanh.

**Câu 5. Giai đoạn vỗ béo bò thịt kéo dài**

- A. 6 tháng.
- B. 12 tháng.
- C. 16 – 30 tháng đến lúc xuất chuồng.
- D. từ lúc xuất chuồng đến lúc giết thịt.

**Câu 6. Ý không đúng** trong quy trình nuôi dưỡng, chăm sóc bò ở giai đoạn vỗ béo là

- A. Sử dụng khẩu phần ăn 60 – 70 % thức ăn tinh và 30 – 40 % thức ăn thô, xanh vì giai đoạn này bò tăng trưởng nhanh khối lượng cơ thể bò có thể tăng từ 1,3 đến 1,6 kg/ con/ ngày với các giống bò năng suất cao.
- B. Cuối giai đoạn này bò bắt đầu tích lũy mỡ vì vậy không nên kéo dài thời gian nuôi.
- C. Chuồng trại, máng ăn, máng uống cần được vệ sinh định kỳ, tẩy giun, sản cho bò sau khi vỗ béo, tiêm vaccine phòng các bệnh: chương hơi dạ cỏ, tụ huyết trùng, bại liệt, 4 lần/ năm.
- D. Giai đoạn vỗ béo, protein khẩu phần giảm xuống trung bình 9%.

**Câu 7. Lợn nái mang thai trung bình**

- A. 90 ngày.
- B. 100 ngày.
- C. 108 ngày.
- D. 114 ngày.

**Câu 8. Mật độ nuôi lợn thịt có khối lượng từ 10 – 35 kg là**

- A. 0,4-0,5m<sup>2</sup>/ con.
- B. 0,7-0,8m<sup>2</sup>/con.

C. 1.4-1.5m<sup>2</sup>/con. D. 1.7-1.8m<sup>2</sup>/ con.

**Câu 9.** Mật độ nuôi lợn thịt có khối lượng từ 35 – 100 kg là

A. 0,4-0,5m<sup>2</sup>/ con. B. 0,7-0,8m<sup>2</sup>/con.

C. 1.4-1.5m<sup>2</sup>/con. D. 1.7-1.8m<sup>2</sup>/ con.

**Câu 10.** Ý **không** đúng trong kỹ thuật nuôi lợn nái là

A. giai đoạn mang thai từ 1 đến 90 ngày, khẩu phần ăn 1,8 – 2,2 kg/ con/ ngày.

B. giai đoạn mang thai từ 91 đến 107 ngày, khẩu phần ăn 2,5 – 3 kg/ con/ ngày.

C. giai đoạn chứa kỳ cuối từ 108 ngày đến lúc đẻ cần tăng dần lượng thức ăn từ 3kg/ con/ ngày để giúp con sinh ra được khỏe mạnh, chóng lớn.

D. trong thời gian chữa nên cho nái ăn thêm cỏ, rau xanh để chóng táo bón.

**Câu 11.** Cho các ý sau:

I. Thời gian nuôi từ ngày bỏ quây úm đến xuất bán.

II. Mật độ nuôi: 8 – 10 con/ mẻ, nhiệt độ chuồng nuôi: 20 -22°C, độ ẩm dưới 75%.

III. Thức ăn có hàm lượng protein 17%, cho gà ăn 4 lần/ ngày đêm, nước cho uống tự do.

IV. Thức ăn, nước uống phải đảm bảo chất lượng, vệ sinh, tiêm vaccine phòng các bệnh: ND, IB, Gumboro.

Đây là các bước trong quy trình nuôi gà

A. nuôi thịt. B. xuất chuồng. C. nấu ăn. D. kiểm định chất lượng.

**Câu 12.** Ý **không** đúng về bước úm gà con trong quy trình nuôi gà thịt công nghiệp.

A. Gà con một ngày tuổi sẽ được úm trong quây, thời gian úm dao động 14- 28 ngày.

B. Nhiệt độ quây úm cho gà 1 -7 ngày tuổi là 28 -30°C, sau đó tăng lên 30 – 31°C ở tuần 2, 32 — 34°C ở tuần 4.

C. Thức ăn cho gà úm: hàm lượng protein 21% cho gà 1 – 14 ngày tuổi, 19% cho gà 15 ngày tuổi.

D. Cho gà ăn 4 -6 lần/ ngày đêm, nước cho uống tự do.

**Câu 13.** Ý **không** đúng về bước chuẩn bị chuồng trại, bãi thả trong quy trình nuôi gà thịt lông màu bán chăn thả là

A. chuồng nuôi gà thịt lông màu bán chăn thả là kiểu chuồng hở, có tường rào, rèm, bạt che mưa, nắng.

B. trong chuồng bố trí giàn đậu bằng tre hoặc gỗ cách nền 2,5m, bãi thả phải có diện tích đủ rộng, có bóng râm, có lưới hoặc hàng rào bảo quanh.

C. đặt máng cát, sỏi xung quanh bãi thả để giúp gà tiêu hóa thức ăn tốt hơn.

D. chuồng trại, bãi thả phải được định kỳ khử trùng.

**Câu 14.** Chế độ dinh dưỡng cho giai đoạn sau cai sữa của lợn thịt là

A. khẩu phần ăn có hàm lượng protein thô 16 -18%, nhu cầu năng lượng (ME)3200 Kcal/ kg, nước uống sạch và đầy đủ theo nhu cầu.

B. ME và protein cao: protein thô 20%, ME 3300 Kcal/kg, khẩu phần phải được chế biến tốt, cho Ăn nhiều bữa/ ngày.

C. khẩu phần ăn giảm protein thô 13%, ME 3200 Kcal/kg, nước uống sạch và đầy đủ theo nhu cầu.

**D.** khẩu phần ăn có lượng ME và protein thấp, khẩu phần ăn phải được chế biến kỹ lưỡng.

**Câu 15.** Ý **không** đúng về kỹ thuật nuôi dưỡng lợn nái là

**A.** khi lợn nái đẻ cần phải cho ăn liên tục, đặc biệt là các loại thức ăn giàu protein để tránh thiếu sữa.

**B.** nái đẻ xong nên tăng dần lượng thức ăn đến ngày thứ 7, từ ngày thứ 8 trở đi cho ăn theo nhu cầu.

**C.** thời kì lợn nái nuôi con, thức ăn phải có chất lượng tốt, không mốc hỏng, máng ăn, máng uống phải được vệ sinh sạch sẽ và cung cấp nhiều nước.

**D.** một số lợn nái đẻ trên 20 con mỗi lứa, nhưng tổng số vú của con nái chỉ từ 12 – 16 vú vì vậy có 4 – 8 con sẽ được gửi cho những nái khác nuôi hộ.

**Câu 16.** Hàm lượng Ca trong khẩu phần ăn khi nuôi dưỡng, chăm sóc bò giai đoạn sinh trưởng là

**A.** 0,3-0,6%.

**B.** 1,3-1,6%.

**C.** 3,3-3,6%.

**D.** 3-6%.

**Phần II. Trắc nghiệm đúng sai**

**Câu 1.** Khi thảo luận về nuôi dưỡng và chăm sóc lợn thịt, một nhóm học sinh đưa ra các nhận định sau:

a. Chuồng nuôi lợn thịt thường có nền xi măng.

b. Lợn ở giai đoạn nhỏ cần thức ăn có hàm lượng protein thấp hơn so với các giai đoạn sau.

c. Tiêm vaccine đầy đủ, đúng quy định, khi phát hiện các cá thể bị ốm cần tách khỏi đàn càng sớm càng tốt để điều trị.

d. Để chống nóng cho lợn, người ta có thể lắp đặt bạt: ban ngày kéo bạt xuống, ban đêm kéo bạt lên 1 nửa cho gió mát vào.

**Câu 2.** Sau khi học sinh được giao nhiệm vụ thảo luận nhóm về quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc gà đẻ trứng, các nhóm học sinh đã đưa ra các nhận định sau:

a. Chuồng nuôi cần được làm ở vị trí yên tĩnh, có thêm ổ đẻ, có thể nuôi gà trên nền hoặc trong lồng.

b. Việc thu gom trứng cần thực hiện 1 lần mỗi ngày.

c. Cung cấp ánh sáng đầy đủ giúp tăng năng suất đẻ trứng.

d. Gà mái đẻ không nên cho ăn thức ăn chứa quá nhiều năng lượng có thể khiến gà bị béo phì, làm giảm năng suất đẻ. Chế độ ăn cần cân đối giữa năng lượng, đạm, vitamin và khoáng chất.

**Câu 3.** Trong một trang trại chăn nuôi, mỗi nhóm vật nuôi được nuôi ở một khu vực nhất định. Cách thiết kế chuồng nuôi và chăm sóc vật nuôi cũng khác nhau. Nhận định sau đây là đúng hay sai về chuồng nuôi, nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi.

a. Mỗi loại vật nuôi khác nhau thì cách thiết kế chuồng nuôi cũng khác nhau.

b. Chuồng nuôi lợn thường có nền xi măng hoặc nền xi măng chiếm 1/3 diện tích chuồng.

c. Để tạo điều kiện thích hợp cho gà đẻ trứng, thì cần phải đảm bảo độ ẩm 65 - 80%, và phải đảm bảo độ sáng cũng như thời gian chiếu sáng trong ngày xuống thấp nhất.

d. Trong chăn nuôi bò sữa, để tăng tỉ lệ tiêu hóa thức ăn thì cần phải trộn thức ăn tinh với thức ăn thô vì thức ăn tinh chứa hàm lượng chất xơ cao sẽ kích thích quá trình tiêu hóa ở bò.

**Câu 4.** Sau khi đến thăm một trang trại nuôi gà đẻ trứng, một nhóm học sinh được giao nhiệm vụ thảo luận để viết bài thu hoạch về quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc gà đẻ trứng, các em đã đưa ra nhận định sau:

- a. Nuôi gà đẻ trứng có thể nuôi trên nền chuồng hoặc trong lồng.
- b. Mật độ nuôi trung bình với nuôi trên nền từ 7-8 con/m<sup>2</sup>.
- c. Thiết kế, bố trí ổ đẻ chắc chắn, tích hợp khay thu gom trứng và hệ thống cho ăn tự động, để tiết kiệm thời gian chăm sóc, thuận lợi cho quá trình thu hoạch trứng.
- d. Hàng ngày vệ sinh sạch sẽ chuồng nuôi, máng ăn, máng uống, để ngăn ngừa nguy cơ nhiễm bệnh cho đàn gà.

**Câu 5.** Gà khi gần đẻ cần được chăm sóc kỹ càng hơn, thoáng khe hơn như cần có không gian rộng thoáng hơn, ánh sáng phù hợp hơn, khẩu phần dinh dưỡng, thực phẩm và nước uống dành riêng cho gà đẻ. Sau đây là một số nội dung cần lưu ý khi chăm sóc gà đẻ trứng, mỗi nội dung đó là đúng hay sai?

- a. Chuồng nuôi gà đẻ trứng cần làm ở vị trí yên tĩnh.
- b. Thức ăn phải đầy đủ chất dinh dưỡng: hàm lượng protein chiếm khoảng 30-40%.
- c. Nên cho gà đẻ trứng ăn tự do bột vỏ trứng, bột xương, vỏ sò, vỏ hến nghiền nhỏ để bổ sung canxi (calcium), giúp vỏ trứng dày, bảo vệ trứng.
- d. Thời tiết và điều kiện môi trường chính là hai yếu tố quyết định tới mật độ nuôi gà. Nếu mùa đông hanh khô, nuôi sản bạn nên để mật độ cao, ngược lại thời tiết nóng ẩm, nuôi nên thì mật độ phải giảm ra.

### **Phần III. Tự luận**

**Câu 1.** Các cơ sở chăn nuôi ở địa phương em đã thực hiện được những biện pháp nào để bảo vệ môi trường chăn nuôi? Hãy nêu nguyên nhân và đề xuất biện pháp khắc phục những vấn đề còn thiếu sót (nếu có).

**Câu 2.** Nếu là chủ trang trại chăn nuôi, khi dịch bệnh xảy ra, em sẽ thực hiện phương pháp vệ sinh chuồng nuôi nào? Vì sao?

## **BÀI 19. MỘT SỐ MÔ HÌNH CHĂN NUÔI CÔNG NGHỆ CAO**

### **Phần I. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn**

**Câu 1.** Ý đúng cho mô hình chăn nuôi lợn công nghệ cao là

- A. công nghệ thông tin trong quản lý chuồng nuôi lợn công nghệ cao.
- B. hệ thống cung cấp thức ăn tự động cho lợn.
- C. công nghệ chuồng nuôi bò.
- D. hệ thống vắt sữa tự động trong trang trại bò sữa.

**Câu 2.** Ý **không** đúng về chuồng nuôi lợn hiện đại là

- A. chuồng nuôi được lợp mái tôn kèm hoặc tôn lạnh cách nhiệt.
- B. một đầu dãy chuồng có hệ thống giàn lạnh gồm các tấm làm mát, nước chảy trong hệ thống này giúp không khí được làm mát trước khi đi vào chuồng.
- C. đầu kia của dãy chuồng được bố trí hệ thống quạt gió công nghiệp để thổi khí nóng, oxygen ra ngoài.
- D. hệ thống điều khiển nhiệt độ tự động giúp duy trì nhiệt độ chuồng nuôi luôn ổn định ở mức 20 -27 °C.

**Câu 3.** Si lô là

- A. hệ thống cung cấp thức ăn tự động.
- B. đường truyền tải thức ăn.
- C. máng ăn tự động.
- D. hệ thống điện.

**Câu 4.** Trong chuồng nuôi lợn áp dụng công nghệ cao, các thông tin về tiêu khí khứu chuồng nuôi (nhiệt độ, độ ẩm, bụi), thông tin về đàn lợn (giống, tình trạng sức khỏe, năng suất, dịch bệnh) được giám sát nhờ

- A. hệ thống camera và hệ thống khử trùng tự động.
- B. hệ thống camera và các thiết bị cảm biến trong chuồng nuôi.
- C. hệ thống cách âm và hệ thống khử trùng tự động.
- D. hệ thống máy tính và hệ thống quạt gió.

**Câu 5.** Ý **không** đúng về chuồng nuôi gà đẻ công nghệ cao là

- A. một đầu của chuồng nuôi có hệ thống các quạt hút, đầu còn lại của dãy chuồng bố trí hệ thống các tấm làm mát.
- B. khi nhiệt độ bên trong chuồng nuôi cao, bộ cảm biến sẽ tự động kích hoạt hệ thống làm mát cho vật nuôi.
- C. nhiệt độ trong chuồng nuôi được duy trì 13 – 17 °C để tránh gà stress và tăng tỉ lệ đẻ trứng.
- D. sử dụng hệ thống băng chuyền và ống dẫn cung cấp thức ăn, nước uống và thu trứng tự động, phân, chất thải của gà được thu dọn tự động qua hệ thống băng tải đến khu xử lí.

**Câu 6.** Ý **không** đúng về hệ thống thu trứng tự động trong chuồng nuôi gà đẻ công nghệ cao là

- A. trứng từ các khu vực chuồng nuôi sẽ được thu gom tự động và theo hệ thống băng tải chuyền về khu xử lí để xếp khay.
- B. quy trình khép kín bao gồm xử lí trứng qua máy soi, cân và phân loại trứng theo trọng lượng, khi soi qua thiết bị hiện đại trứng được tiệt trùng bằng tia UV, loại bỏ trứng có tia máu, nứt vỡ, tránh bị vi khuẩn xâm nhập.
- C. hệ thống thu trứng tự động thường được áp dụng trong các trang trại gà đẻ nuôi chăn thả ngoài trời.
- D. hệ thống có chức năng rửa và vệ sinh tự động, thiết bị máy móc luôn sạch sẽ, đảm bảo trứng chất lượng cao – sạch – an toàn đến tay người tiêu dùng.

**Câu 7.** Trong chăn nuôi lợn công nghệ cao, công nghệ được ứng dụng trong xây dựng kiểu này chuồng kín có hệ thống kiểm soát tiêu khí hậu tự động và chế tạo các trang thiết bị chăn nuôi như con cung cấp thức ăn, nước uống là

- A. công nghệ AI
- B. công nghệ HyperFrame.
- C. công nghệ cơ khí tự động hóa.
- D. công nghệ chuồng nuôi tự động.

**Câu 8.** Trong chuồng nuôi bò sữa hiện đại, nền chuồng được trải các tấm cao su lót sàn giúp

- A. hấp thu độ ẩm, tránh thoát khí động ra môi trường.
- B. không chế lượng rác thải do bò tạo ra.
- C. vệ sinh dễ dàng và tránh trơn trượt.
- D. điều khiển nhiệt độ tự động giúp chuồng nuôi luôn ổn định.

**Câu 9.** Mô hình chăn nuôi chuồng gà đẻ công nghệ cao gà được nuôi tập trung trong

- A. chuồng kín có hệ thống biến đổi tiêu khí hậu và hệ thống cảm biến.
- B. chuồng hở có hệ thống lưu thông gió và hệ thống camera giám sát.

- C. chuồng kín có hệ thống kiểm soát nhiệt độ tự động và hệ thống camera giám sát.
- D. chuồng hở có hệ thống cảm biến tác động môi trường xung quanh.

**Câu 10.** Khu vực vắt sữa ở chuồng nuôi bò sữa công nghệ cao có đặc điểm là

- A. trong cùng khu vực nuôi bò và khép kín hoàn toàn.
- B. tách riêng với khu vực nuôi bò và khép kín hoàn toàn.
- C. trong cùng khu vực nuôi bò và bán khép kín.
- D. tách riêng với khu vực nuôi bò và bán khép kín.

**Câu 11.** Ý **không** đúng về mô hình chuồng nuôi bò sữa công nghệ cao là

- A. hệ thống làm mát tự động được lập trình dựa vào các cảm biến khí hậu trong và ngoài chuồng nuôi.
- B. bò sữa được nuôi trong hệ thống chuồng nửa kín nửa hở năm dãy có hệ thống thay đổi tiêu khí hậu chuồng nuôi.
- C. mọi con bò được gắn chip điện tử để kiểm soát tình trạng sức khỏe, phát hiện động dục ở bò cái.
- D. khu vực vắt sữa tách riêng với khu vực nuôi bò và khép kín hoàn toàn.

## ***Phần II. Trắc nghiệm đúng sai***

**Câu 1.** Một trang trại đang muốn nuôi bò sữa theo mô hình bán công nghiệp. Họ cần thiết kế chuồng trại và lập kế hoạch chăm sóc bò sao cho đảm bảo năng suất và sức khỏe của bò. Họ đưa ra các nhận định sau, theo bạn các nhận định đó là đúng hoặc sai?

- a. Chuồng nuôi bò sữa cần có hệ thống thông gió và nhiệt độ phù hợp để bò cảm thấy thoải mái, góp phần tăng năng suất.
- b. Thức ăn cho bò sữa cần đa dạng, bao gồm thức ăn thô, thức ăn tinh, và thức ăn bổ sung để đảm bảo bò phát triển tốt.
- c. Bò sữa chỉ cần ăn cỏ xanh và không cần bổ sung thức ăn tinh hoặc thức ăn bổ sung.
- d. Chuồng trại nuôi bò sữa trong mô hình bán công nghiệp không cần có hệ thống thoát nước hay khu vực vệ sinh riêng.

**Câu 2.** Khi thảo luận về nuôi dưỡng và chăm sóc lợn thịt, một nhóm học sinh đưa ra các nhận định sau:

- a. Chuồng nuôi lợn thịt thường có nền xi măng.
- b. Lợn ở giai đoạn nhỏ cần thức ăn có hàm lượng protein thấp hơn so với các giai đoạn sau.
- c. Tiêm vaccine đầy đủ, đúng quy định, khi phát hiện các cá thể bị ốm cần tách khỏi đàn càng sớm càng tốt để điều trị.
- d. Để chống nóng cho lợn, người ta có thể lắp đặt bạt: ban ngày kéo bạt xuống, ban đêm kéo bạt lên 1 nửa cho gió mát vào.

**Câu 3.** Trong một trang trại chăn nuôi, mỗi nhóm vật nuôi được nuôi ở một khu vực nhất định. Cách thiết kế chuồng nuôi và chăm sóc vật nuôi cũng khác nhau. Nhận định sau đây là đúng hay sai về chuồng nuôi, nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi.

- a. Mỗi loại vật nuôi khác nhau thì cách thiết kế chuồng nuôi cũng khác nhau.
- b. Chuồng nuôi lợn thường có nền xi măng hoặc nền xi măng chiếm 1/3 diện tích chuồng.
- c. Để tạo điều kiện thích hợp cho gà đẻ trứng, thì cần phải đảm bảo độ ẩm 65 - 80%, và phải đảm bảo độ sáng cũng như thời gian chiếu sáng trong ngày xuống thấp nhất.

d. Trong chăn nuôi bò sữa, để tăng tỉ lệ tiêu hóa thức ăn thì cần phải trộn thức ăn tinh với thức ăn thô vì thức ăn tinh chứa hàm lượng chất xơ cao sẽ kích thích quá trình tiêu hóa ở bò.

## **BÀI 20. QUY TRÌNH CHĂN NUÔI THEO TIÊU CHUẨN VIET GAP**

### ***Phần I. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn***

**Câu 1.** Theo tiêu chuẩn VietGAP chuồng trại phải được thiết kế phù hợp với

- A.** mục đích sản xuất, cơ chế vận hành nhà máy, khả năng tài chính.
- B.** từng lứa tuổi, đối tượng vật nuôi và mục đích sản xuất.
- C.** đối tượng vật nuôi, quy mô sản xuất và tình trạng của thị trường.
- D.** việc cho vật nuôi ăn, sử dụng thức ăn hiệu quả, tiết kiệm công lao động.

**Câu 2.** Theo tiêu chuẩn VietGAP con giống được lựa chọn phải

- I. phù hợp với mục đích chăn nuôi.
- II. có nguồn gốc rõ ràng.
- III. có các đặc tính di truyền tốt.
- IV. khỏe mạnh.

Có bao nhiêu ý đúng cho việc chọn giống theo tiêu chuẩn VietGAP?

- A. 1.**
- B. 2.**
- C. 3.**
- D. 4.**

**Câu 3.** Theo tiêu chuẩn VietGAP, ý nào sau đây **không** đúng về yêu cầu khi xây dựng chuồng nuôi?

- A.** Sàn và lối đi được làm bằng vật liệu an toàn, không trơn trượt.
- B.** Hệ thống tường, mái, rèm che phải đảm bảo không bị dột, thấm, không bị mưa hắt, gió lùa và dễ làm vệ sinh.
- C.** Xây dựng hệ thống cung cấp thức ăn và nước uống không dễ cho vật nuôi tiếp cận được nhằm cải thiện khả năng vận động.
- D.** Dụng cụ, thiết bị phải dùng riêng cho từng khu chăn nuôi, phải đảm bảo an toàn và dễ vệ sinh, khử trùng.

**Câu 4.** Các quy định về lựa chọn địa điểm chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP có tác dụng

- A.** giúp các trang trại có thể thoải mái làm tất cả những gì mình muốn mà không phải quan tâm tới ai.
- B.** giúp các trang trại tạo dựng mối quan hệ tốt với cộng đồng dân cư và các quan chức địa phương.
- C.** giúp các trang trại dễ kiểm soát dịch bệnh, đảm bảo về an toàn sinh học và tôn trọng cộng đồng.
- D.** giúp các trang trại dễ xử lý chất thải rắn, phân và nước thải khi đi ra môi trường bên ngoài.

**Câu 5.** Phương thức quản lý “ cùng vào – cùng ra” theo thứ tự ưu tiên

- A.** cả khu → từng chuồng → từng dãy chuồng → cả khu.
- B.** từng ô → từng dãy chuồng → từng chuồng → cả khu.
- C.** từng ô → từng chuồng → từng dãy chuồng → cả khu.
- D.** cả khu → từng dãy chuồng → từng chuồng → cả khu.

**Câu 6.** Theo tiêu chuẩn VietGAP, ý nào sau đây đúng về yêu cầu khi xây dựng khu chăn nuôi?

- A. Phải có tường hoặc hàng rào bao quanh, cổng ra vào có hố khử trùng.
- B. Bố trí trộn lẫn các khu: khu chuồng trại, khu cách li vật nuôi bệnh, khu cho nhân viên.
- C. Phải đảm bảo năng suất và chất lượng mỗi khi vật nuôi được xuất chuồng.
- D. Phải đảm bảo các công nghệ, máy móc nhằm nâng cao hiệu quả và quản lý nhân công.

**Câu 7.** Ý nào sau đây **không** đúng trong việc chuẩn bị con giống theo tiêu chuẩn VietGAP

- A. Nhập con giống cần tuân thủ các quy định giấy kiểm dịch, có công bố tiêu chuẩn chất lượng kèm theo, có quy trình chăn nuôi cho từng giống.
- B. Giống mới không được cách li, cần nuôi cùng với giống cũng để hòa nhập ngay.
- C. Giống vật nuôi được đánh dấu để quản lý.
- D. Áp dụng phương thức quản lý “cùng vào – cùng ra” theo tử tự ưu tiên cả khu → từng dãy chuồng → từng chuồng → từng ô.

**Câu 8.** Ý **không** đúng về những yêu cầu quản lý dịch bệnh đối với một trang trại theo tiêu chuẩn VietGAP là

- A. phải có quy trình phòng bệnh phù hợp với từng đối tượng nuôi.
- B. có nguồn cung tài chính từ các công ty lớn cùng ngành.
- C. có đầy đủ trang thiết bị và quy trình vệ sinh, tiêu độc, khử trùng.
- D. có bác sĩ thú y theo dõi sức khỏe vật nuôi.

**Câu 9.** Bước đầu tiên trong quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP là

- A. chuẩn bị con giống.
- B. chuẩn bị chuồng trại và thiết bị chăn nuôi.
- C. chuẩn bị hồ sơ lưu trữ.
- D. chuẩn bị công tác kiểm tra, đánh giá.

**Câu 10.** Bước cuối cùng trong quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP là

- A. nuôi dưỡng và chăm sóc.
- B. quản lý dịch bệnh.
- C. quản lý chất thải và bảo vệ môi trường.
- D. lưu trữ hồ sơ – kiểm tra nội bộ.

**Câu 11.** Theo tiêu chuẩn VietGAP, vật nuôi được chăm sóc theo quy trình phù hợp với

- A. nhu cầu của thị trường và khả năng đáp ứng của trang trại.
- B. năng lực của nhân viên và thiết bị máy móc.
- C. đặc điểm sinh lý và từng giai đoạn sinh trưởng.
- D. tăng cường tiêu hóa, hấp thụ chất dinh dưỡng.

**Câu 12.** Việc thực hiện kiểm tra nội bộ mỗi năm một lần bao gồm

- A. Thu thập những kết quả tốt và loại bỏ những điểm chưa đạt.
- B. Đánh giá hồ sơ lưu trữ và đánh giá hoạt động thực tế của trang trại.
- C. Công tác làm việc với các bộ ngành liên quan và hoạt động tìm hiểu thị trường.
- D. xây dựng kế hoạch kiểm soát động vật, loài gặm nhấm và côn trùng.

**Câu 13.** So với quy trình chăn nuôi thông thường chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP

- A. yêu cầu chặt chẽ về an toàn sinh học, kiểm soát dịch bệnh và bảo vệ môi trường.
- B. yêu cầu tính ứng dụng cao của công nghệ thông tin trong chăm sóc và quản lý vật nuôi.
- C. đánh giá cao năng suất và giá thành hơn là việc bảo vệ môi trường.

**D.** đánh giá hoạt động thực tiễn của trang trại cao hay thấp về các ứng dụng công nghệ.

**Câu 14.** Quan sát hình đưa ra nhận xét:

**A.** Trang trại được trang bị những công nghệ chăn nuôi tiên tiến nhất.

**B.** Trang trại đảm bảo được những yêu cầu về bảo vệ môi trường theo tiêu chuẩn VietGAP.

**C.** Chất thải được thu gom bằng đường riêng đến khu xử lí.

**D.** Vị trí của trang trại cách xa khu dân cư, yên tĩnh, rộng rãi.

**Câu 15.** Lập hồ sơ để ghi chép, theo dõi, lưu trữ thông tin trong suốt quá trình chăn nuôi từ khâu nhập giống đến xuất bán sản phẩm không nhằm phục vụ cho hoạt động

**A.** kiểm tra nội bộ.

**B.** đánh giá ngoài.

**C.** truy xuất nguồn gốc.

**D.** ngăn chặn khiếu nại.

**Câu 16.** Yêu cầu trong quản lí dịch bệnh theo tiêu chuẩn VietGAP cần

**A.** xây dựng kế hoạch kiểm soát động vật, loài gặm nhấm và côn trùng, chuột, động vật hoang và các vật nuôi khác như chó, mèo.

**B.** vận chuyển vật nuôi bằng các phương tiện đơn sơ nhằm hạn chế lây lan dịch bệnh ra cộng đồng.

**C.** phải tiêu hủy toàn bộ trang trại nhằm tránh lây nhiễm diện rộng khi một con vật có dấu hiệu bị bệnh

**D.** xây dựng quy trình quản lí dịch bệnh một cách hợp lí, phù hợp với từng đối tượng vật nuôi, quy mô chăn nuôi.

## ***Phần II. Trắc nghiệm đúng sai***

**Câu 1.** Chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP đặt ra các yêu cầu nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và nâng cao hiệu quả kinh tế. Hãy đọc các phát biểu sau và xác định mỗi phát biểu là Đúng hay Sai:

a) VietGAP yêu cầu nguồn thức ăn chăn nuôi phải đảm bảo an toàn, không chứa chất cấm theo quy định pháp luật.

b) Trong chăn nuôi theo VietGAP, môi trường nuôi phải đảm bảo các yếu tố như vệ sinh chuồng trại, xử lý chất thải đúng quy trình để giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

c) Nếu phát hiện một lô thức ăn bị nhiễm hóa chất độc hại, người chăn nuôi có thể sử dụng lô thức ăn đó trong trường hợp khẩn cấp để không gây thiệt hại kinh tế.

d) Việc ghi chép nhật ký chăn nuôi là không bắt buộc đối với các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, vì quy mô nhỏ không ảnh hưởng nhiều đến chất lượng sản phẩm.

**Câu 2.** Trang trại chăn nuôi lợn của gia đình anh Minh đang áp dụng tiêu chuẩn VietGAP nhằm đảm bảo sản xuất an toàn, hiệu quả và bảo vệ môi trường. Anh Minh cần hướng dẫn nhân viên về quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn này, bao gồm chuẩn bị chuồng trại, chọn con giống, nuôi dưỡng, chăm sóc và xử lý chất thải. Sau đây là một vài ý kiến của anh. Theo em các ý kiến đó đúng hay sai?

a. VietGAP là viết tắt của cụm từ ""Vietnamese Good Agricultural Practices,"" nghĩa là thực hành sản xuất nông nghiệp tốt ở Việt Nam.

b. Kiểm tra thiết bị khử trùng và nguồn nước trước khi nuôi giúp ngăn chặn vi khuẩn có hại như Coliform, đảm bảo môi trường chăn nuôi an toàn cho vật nuôi.

c. Khi hệ thống xử lý chất thải bị hỏng, có thể xả trực tiếp chất thải ra sông gần nhất để tránh ùn ứ trong trang trại.

d. Nếu không đủ kinh phí xử lý chất thải, trang trại có thể ngừng thu gom chất thải hằng ngày để tiết kiệm chi phí.

**Câu 3.** Một trang trại chăn nuôi nhận thấy chất lượng vệ sinh trong chuồng nuôi chưa đảm bảo, dẫn đến nguy cơ ảnh hưởng sức khỏe vật nuôi. Để cải thiện, trang trại áp dụng các biện pháp vệ sinh và chăm sóc vật nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP.

Dựa trên tình huống trên, hãy nhận định các mệnh đề sau và xác định đúng hay sai:

- a. Việc vệ sinh chuồng trại thường xuyên theo tiêu chuẩn VietGAP có thể giúp giảm nguy cơ lây nhiễm bệnh từ vi sinh vật trong môi trường.
- b. Theo tiêu chuẩn VietGAP, chuồng trại phải được thiết kế để đảm bảo thông thoáng, sạch sẽ và dễ vệ sinh.

**Câu 4.** Khi phân tích chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP, một nhóm học sinh đưa ra các nhận định sau:

- a) Con giống phải có nguồn gốc rõ ràng, quản lý theo phương thức “cùng vào – cùng ra”.
- b) Vị trí xây dựng chuồng trại cần phải xa khu dân cư và đường giao thông để đảm bảo vệ sinh môi trường, tránh lây lan dịch bệnh.
- c) Trong phòng, trị bệnh phải thường xuyên theo dõi sức khỏe vật nuôi, có hồ sơ theo dõi diễn biến dịch, nguyên nhân phát sinh, thuốc phòng và điều trị.
- d) Trong chăn nuôi gà ở địa phương, tất cả các nội dung đã thực hiện đúng quy trình VietGAP nhưng chưa ghi chép, lưu trữ hồ sơ, truy xuất nguồn gốc thì vẫn đạt tiêu chuẩn VietGAP.

**Câu 5.** Chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP là mô hình chăn nuôi đảm bảo vật nuôi được nuôi dưỡng để đạt được các yêu cầu về chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, đồng thời bảo vệ được môi trường,... Sau đây là một số nhận định về chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP:

- a) Chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP được hiểu là quy trình thực hành chăn nuôi tốt tại Việt Nam.
- b) Trong chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP, vị trí xây dựng chuồng nuôi phải gần đường giao thông để thuận tiện cho việc chuyên chở.
- c) Nhân viên trong các trang trại chăn nuôi không cần phải mặc quần áo, giày dép bảo hộ nếu không có dịch bệnh xảy ra.
- d) Trong chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP, sổ sách ghi chép được theo dõi thường xuyên và thực hiện việc lưu trữ tối đa 12 tháng.

**Câu 6.** Khi tìm hiểu về quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGap, các học sinh đã thảo luận và có những ý kiến sau:

- a) VietGAHP đảm bảo vật nuôi được nuôi dưỡng đạt yêu cầu về chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo vệ môi trường và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.
- b) Mục đích của việc lưu trữ hồ sơ giúp người tiêu dùng có thể truy xuất nguồn gốc sản phẩm.
- c) Giá thành của sản phẩm chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGap thường cao hơn so với sản phẩm của các hình thức chăn nuôi khác do sản phẩm có chất lượng cao nhưng năng suất thấp hơn.
- d) Chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGap không chỉ đảm bảo tiêu chí cho quá trình chăm sóc: dinh dưỡng, chuồng trại, quản lý dịch bệnh... cho vật nuôi mà quá trình xử lý chất thải cũng đảm bảo tiêu chuẩn nghiêm ngặt.

**Câu 7.** Sản phẩm của chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGap được ưa chuộng trên thị trường. Dưới đây là một số ý kiến thảo luận của học sinh về chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP

- a. Chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP được hiểu là quy trình thực hành chăn nuôi tốt tại Việt Nam.

- b. Chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP đem lại nhiều lợi ích cho người chăn nuôi, đảm bảo về chất lượng sản phẩm, sức khỏe của người tiêu dùng và bảo vệ môi trường.
- c. Để biết sản phẩm chăn nuôi có phải của trang trại chăn nuôi VietGAP hay không, cần quét mã trên sản phẩm để biết được thông tin và quy trình sản xuất.
- d. Các trang trại chăn nuôi cần thực hiện tốt quy trình chăn nuôi để đạt tiêu chuẩn VietGAP một lần duy nhất, giấy chứng nhận tiêu chuẩn VietGAP có giá trị không thời hạn.

**Câu 8.** Khi được giao nhiệm vụ tìm hiểu về chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP, nhóm bạn Nam đã có một số nhận định như sau:

- a). Việc ghi chép, lưu trữ dữ liệu là một yếu tố quan trọng trong tiêu chuẩn VietGAP đối với các hoạt động chăn nuôi.
- b). Với tiêu chuẩn VietGAP, việc kiểm tra và giám sát sức khỏe của vật nuôi chỉ được thực hiện khi có dấu hiệu bệnh.
- c). Tiêu chuẩn VietGAP cho phép sử dụng thuốc kháng sinh một cách tự do trong chăn nuôi.
- d).. Tiêu chuẩn VietGAP chỉ áp dụng cho các cơ sở chăn nuôi quy mô lớn.

**Câu 9.** Chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP sẽ đảm bảo vật nuôi được nuôi dưỡng để đạt được các yêu cầu về chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo vệ môi trường và truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Khi xây dựng quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP, các hộ nông dân cần chú ý những tiêu chuẩn nào?

- a). Vị trí chuồng trại phải cách xa khu dân cư và đường giao thông tối thiểu 200m, có đủ nguồn nước sạch phục vụ chăn nuôi và xử lý môi trường.
- b). Con giống phải có nguồn gốc rõ ràng, được tiêm vaccine đầy đủ theo quy định tránh hiện tượng lây lan chéo giữa vật nuôi trong đàn.
- c). Phải khử trùng chuồng nuôi và thiết bị chăn nuôi sau mỗi lứa nuôi để đảm bảo tiêu diệt mầm bệnh.
- d). Chất thải rắn được thu gom, đưa tới hầm biogas xử lý để đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Khu xử lý trong hầm biogas tạo thành nhiên liệu dùng trong đun nấu, phần còn lại được dùng làm phân bón, nước tưới cho cây trồng.

**Câu 10.** Dưới đây là một số yêu cầu trong quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP:

- a. Chuồng trại chăn nuôi được xây dựng cách xa khu dân cư tối thiểu 50 mét.
- b. Con giống phải có nguồn gốc rõ ràng, được tiêm vaccine đầy đủ theo quy định.
- c. Phải có hồ sơ lưu trữ các thông tin về vật nuôi theo quý.
- d. Sử dụng mô hình bioga để xử lý chất thải chăn nuôi.

**Câu 11.** VietGAP chăn nuôi hay còn gọi là VietGAHP (Vietnamese Good Animal Husbandry Practices) là những nguyên tắc, trình tự, thủ tục hướng dẫn tổ chức, cá nhân sản xuất áp dụng trong chăn nuôi nhằm đảm bảo vật nuôi được nuôi dưỡng để đạt được các yêu cầu về chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo phúc lợi xã hội, sức khỏe người sản xuất và người tiêu dùng, bảo vệ môi trường và truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Sau đây là một số nội dung liên quan đến VietGAP trong chăn nuôi, mỗi nội dung đó là đúng hay sai?

- a) Vật nuôi được nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP sẽ đảm bảo yêu cầu về chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo vệ môi trường và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.
- b) Để đảm bảo về môi trường và tránh lây lan dịch bệnh thì vị trí xây dựng trang trại chăn nuôi phải cách xa khu dân cư và đường giao thông, có đủ nguồn nước phục vụ cho chăn nuôi

- c) Phải khử trùng chuồng nuôi và thiết bị chăn nuôi trước và sau mỗi lứa nuôi để đảm bảo tiêu diệt mầm bệnh, phải để trống chuồng ít nhất 1 tuần mới nuôi lứa mới.
- d) Để không gây ô nhiễm môi trường thì thu gom chất thải rắn và chất thải lỏng đến khu xử lý trước khi thải ra môi trường, ở đây chất thải được xử lý bằng phương pháp sinh học.

**Câu 12.** Anh Ba muốn kinh doanh lợn giống, suốt mấy tháng vừa học việc vừa làm ở trại lợn giống nhà Bác Sáu, anh Ba đã rút ra được một số bài học về nuôi dưỡng và chăm sóc lợn nái. Những nhận định của anh là đúng hay sai?

A. Biết. Lợn nái mang thai trung bình là 114 ngày (3 tháng + 3 tuần + 3 ngày)  $\pm$  3 ngày.

B. Hiểu. Khi lợn mang thai và khi đang đẻ phải cho ăn thêm cỏ, rau xanh để chống táo bón.

C. Vận dụng. Trong kì chữa cuối từ ngày 108 đến lúc đẻ cần giảm lượng thức ăn, đến ngày đẻ chỉ ăn 0,5kg/ngày để tránh chèn ép bào thai và giúp lợn nái dễ đẻ.

D. Biết. Biểu hiện của lợn sắp sinh là cắn phá chuồng (làm tổ); bầu vú căng, bóp ra tia sữa; khi thấy dịch nhón, phân su thì lợn nái sẽ đẻ trong vòng 30 phút.

c. Nếu không thể xử lý ngay chất thải trong chăn nuôi, có thể đổ trực tiếp ra môi trường miễn là không để gần chuồng nuôi.

d). Áp dụng tiêu chuẩn VietGAP trong chăn nuôi giúp nâng cao chất lượng sản phẩm và bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng.

### **Phần III. Tự luận**

**Câu 1.** Trình bày được quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP.

*Trả lời:*

-Địa hình: xây dựng trang trại nên có địa hình bằng phẳng, không quá dốc để dễ dàng xây dựng và vận hành trang trại.

- Độ cao: nên ở mức trên 50m so với mực nước biển để tránh ngập úng và dễ dàng thông gió.

- Giao thông thuận tiện: địa hình điểm xây dựng trang trại cần có đường giao thông thuận tiện để tiện lợi trong việc vận chuyển nguyên liệu, cung cấp thức ăn cho gà và tiêu thụ sản phẩm.

- Nguồn nước: trang trại cần có nguồn nước, đảm bảo cho việc nuôi gà và tiêu thụ sản phẩm.

- Khoảng cách với các trang trại chăn nuôi khác: nên đặt trang trại cách xa các trang trại chăn nuôi khác khoảng 500 – 1000m để tránh lây nhiễm bệnh.

- Môi trường xung quanh: địa điểm trang trại nên có môi trường xung quanh trong sạch, không ô nhiễm, không ảnh hưởng đến sức khỏe của con người và gà.

**Câu 2.** Theo tiêu chuẩn VietGAP, thiết kế sàn và lối đi trong chuồng trại bằng vật liệu không trơn trượt có liên quan gì đến an toàn lao động trong chăn nuôi?

*Trả lời:*

- Thiết kế sàn và lối đi trong chuồng trại bằng vật liệu không trơn trượt có liên quan rất lớn đến an toàn lao động trong chăn nuôi, việc chọn vật liệu không trơn trượt giúp giảm thiểu nguy cơ tai nạn lao động liên quan đến trượt, ngã và bị thương khi làm việc trong chuồng trại.

- Khi sản và lõi đi trong chuồng trại được thiết kế bằng vật liệu trơn trượt như gạch men, đá hoa cương, gỗ sẽ dễ dàng trơn trượt khi tiếp xúc với chất lỏng hoặc chất thải, đặc biệt là trong điều kiện ẩm ướt và trơn trượt, điều này gây nguy hiểm cho người làm việc trong chuồng trại, đặc biệt là trong các trang trại chăn nuôi lớn, nơi có số lượng đông và di chuyển nhanh.

## **BÀI 21. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TRONG BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN SẢN PHẨM CHĂN NUÔI**

**Câu 1.** Sản phẩm chăn nuôi được bảo quản bằng phương pháp HPP có ưu điểm là

- A.** an toàn giữ được hương vị tươi ngon, thời gian bảo quản đến 1 năm.
- B.** an toàn giữ được hương vị tươi ngon, thời gian bảo quản đến 120 ngày.
- C.** chi phí thấp và giữ được độ đàn hồi, hình dạng, thời gian bảo quản đến 1 năm.
- D.** chi phí thấp và giữ được độ đàn hồi, hình dạng, thời gian bảo quản đến 120 ngày.

**Câu 2.** Khi muối trứng, nếu chúng ta chuẩn bị nguyên liệu là 10 quả trứng gà, 1.51 nước, 250gr muối ăn, cần lượng rượu trắng là

- A.** 5 ml rượu trắng.
- B.** 0.5 ml rượu trắng.
- C.** 50 ml rượu trắng.
- D.** 1.5 ml rượu trắng.

**Câu 3.** Nhiệt độ kho để bảo quản thịt mát là

- A.** 5-0°C.
- B.** 0-4°C.
- C.** 4-10°C.
- D.** 10-15°C.

**Câu 4.** Nhiệt độ kho để bảo quản trứng gà tươi là

- A.** 0-6°C.
- B.** 6-12°C.
- C.** 10-13°C.
- D.** 14-20°C.

**Câu 5.** Ý không đúng về quy trình chế biến phô mai ứng dụng công nghệ lên men lactic là

- A.** quy trình được chia thành 4 giai đoạn chính: giã nở → thêm nước, bổ sung Whey và giã đông sữa → muối phô mai → ủ chín.
- B.** trong quy trình chế biến, hệ thống bồn chứa sữa lạnh và các thiết bị khử trùng tự động hiện đại giúp đảm bảo chất lượng và an toàn vệ sinh cho sữa trước khi chế biến.
- C.** dây chuyền lên men tự động để làm chua và đông tụ sữa để tăng năng suất và đảm bảo chất lượng của phô mai, các giống vi khuẩn lactic và enzyme thương mại được sử dụng giúp làm đông tụ nhanh chóng protein trong sữa.
- D.** các giai đoạn khử nước, tách Whey, cắt và ép sữa đông cũng được thực hiện bằng hệ thống dây chuyền tự động có kiểm soát chất lượng.

**Câu 6.** Thời gian bảo quản của thịt đông lạnh là

- A.** 15 – 30 ngày.
- B.** 1 -2 tháng.
- C.** 2 – 6 tháng.
- D.** 6 – 18 tháng.

**Câu 7.** Công nghệ khử nước là

- A.** công nghệ làm sạch sản phẩm chăn nuôi trước khi đưa vào bảo quản nhằm duy trì sự tươi mới.
- B.** phương pháp tách nước khỏi sản phẩm chăn nuôi để duy trì nguyên dạng của vật chất khô.
- C.** phương pháp tách nước khỏi sản phẩm chăn nuôi để bảo quản dưới dạng bột.
- D.**

**A. sữa bột bằng công nghệ khử nước.**

### B. Sữa chua công nghiệp.

**D. phô mai công nghiệp.**

**A.** thịt mát.

**B. trứng gà tươi.**

**D. sữa tươi thanh trùng.**

**A. thị đông lạnh.**

**B. trứng gà tươi.**

**D. sữa tươi thanh trùng.**

**A. thị áp suất thấp.**

**B. thị áp suất cao.**

**D. nạp chất bảo quản.**

**A. nhồi thịt vào vỏ collagen hoặc cellulose.**

**B. nhồi bánh đúc.**

**D. xay nhuyễn và trộn hỗn hợp.**

**A.** thịt mát.

**B. thịt tái.**

**D. sữa tươi thanh trùng.**

**A. các loại thịt gà.**

**B. các loại thịt lợn.**

### D. sản phẩm sữa.

**Câu 1.** Trình bày quy trình chế biến phô mai tươi không ủ chín.

*Trả lời:* (xem bài thực hành chế biến một số sản phẩm chăn nuôi- công nghệ chăn nuôi 11/120)

**-HẾT-**